



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BẢN 1

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

(Tài liệu lưu hành nội bộ) lớp 1



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU SÁCH HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 1

1.1. Quan điểm biên soạn sách Hoạt động trải nghiệm ở cấp Tiểu học nói chung và sách Hoạt động trải nghiệm lớp 1 nói riêng

Sách *Hoạt động trải nghiệm 1* (HĐTN 1) này được biên soạn dựa trên những nguyên tắc căn bản sau đây:

* Theo định hướng đổi mới giáo dục phổ thông được thể hiện qua Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông; qua Chương trình giáo dục phổ thông mới (gọi tắt là CTGDPT 2018) được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sách HĐTN 1 bảo đảm sự cân đối các mạch nội dung và phân bố thời lượng theo đúng CTGDPT 2018.

Nội dung hoạt động	Hoạt động	Tỉ lệ
Hướng vào bản thân	– Khám phá bản thân – Rèn luyện bản thân	60%
Hướng đến xã hội	– Chăm sóc gia đình – Xây dựng trường lớp – Xây dựng cộng đồng	20%
Hướng đến tự nhiên	– Tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên – Tìm hiểu và bảo vệ môi trường	10%
Hướng nghiệp (Từ lớp 2)	– Tìm hiểu về nghề nghiệp	10%

Trong quá trình biên soạn, mục tiêu của từng nội dung của sách HĐTN 1 luôn được đối chiếu kĩ lưỡng với yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của CTGDPT 2018.

* Bám sát các tiêu chuẩn sách giáo khoa mới ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các quy định chung, điều kiện tiên quyết, nội dung, phương pháp, cấu trúc, ngôn

ngữ và hình thức trình bày, quy trình biên soạn chỉnh sửa, cũng như các tiêu chuẩn liên quan khác.

* Sách HĐTN 1 có những đặc điểm nền tảng và tính triết lí nổi bật:

– **Người học là chủ thể trong các hoạt động giáo dục**

Đây chính là lối tiếp cận “người học là trung tâm” đã, đang và sẽ tiếp tục được vận dụng trong giáo dục ở nước ta (và trên thế giới). Những mô hình lí thuyết được vận dụng trong sách cũng đều tương thích, đặt nền trên quan điểm giáo dục “học sinh (HS) là chủ thể” bao gồm: Lí thuyết học qua trải nghiệm của D. Kolb (2014) làm cơ sở cho cấu trúc HĐTN theo chủ đề; Chu trình học tập 5E của nhóm BSCS (Biological Sciences Curriculum Study) được vận dụng trong tổ chức bài học; Lí thuyết chọn lựa (Choice theory) của W. Glasser (2010) áp dụng cho tổ chức lớp học trong sinh hoạt lớp; Nếp nghĩ phát triển” của C. Dweck (2018) áp dụng cho phát triển năng lực và phẩm chất;... Dựa trên các mô hình và lí thuyết này, các hoạt động, các đề nghị cho giáo viên (GV) đặt câu hỏi, những gợi ý trong sách... đều tập trung hướng đến vai trò chủ thể của HS. Các hoạt động trong sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp cũng theo lối tiếp cận này. Có thể nói, nền móng – triết lí giáo dục – cho các điều trên chính là: Giáo dục con người tự do và có trách nhiệm với sự tự do.

– **Giáo dục phát triển năng lực và phẩm chất**

Sách HĐTN 1 bám sát quan điểm “Giáo dục phát triển năng lực và phẩm chất” từ các mục tiêu – chuẩn đầu ra cho đến các hoạt động được đề nghị cho HS. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng để giúp HS thật sự phát triển năng lực và phẩm chất, GV không chỉ cần phương pháp, kĩ thuật giảng dạy mà còn cần thay đổi để có cách nghĩ và hành xử thích hợp đối với HS, cũng như cần giúp HS có được kiểu tư duy phù hợp. Trong đó, cách nghĩ, cách ứng xử của GV và kiểu tư duy của HS đóng vai trò “gốc rễ” nhưng thường chưa được quan tâm. Bộ Sách HĐTN 1 này (sách HS, nhất là sách GV) cố gắng giới thiệu những nội dung cần thiết cho cách tiếp cận phát triển phẩm chất và năng lực trong hoạt động trải nghiệm nói riêng, hoạt động giáo dục nói chung. Một chủ đề quan trọng trong các nội dung này là “nếp nghĩ” (mindset), gồm nếp nghĩ phát triển (growth mindset) và nếp nghĩ cố định (fixed mindset), được nghiên cứu bởi C. Dweck. Nếp nghĩ phát triển tin rằng năng lực cơ bản (thông minh, tài năng...) có thể phát triển nhờ vào sự kiên trì nỗ lực và nỗ lực một cách có chiến lược. Ngược lại, nếp nghĩ cố định (fixed mindset) – tin rằng năng lực cơ bản được định hình từ khi làm người và xem như không đổi theo thời

gian; người có kiểu tư duy cố định nhấn mạnh đến thông minh, tài năng. Các nghiên cứu cho thấy, nếu thái độ, niềm tin và cách hành xử của người dạy đối với người học vẫn theo kiểu tư duy cố định thì người học rất khó có thể phát triển được năng lực như mong muốn (dù bài học được thiết kế hay). Trong các trường lớp ở Việt Nam lại đang vận dụng lối nghĩ cố định này một cách phổ biến. Bởi thế, tài liệu dành cho GV đã dành riêng một phần để bàn chi tiết về nếp nghĩ nhằm định hướng và hướng dẫn cho GV. Quan điểm này được lưu ý xuyên suốt bộ sách. Từ các nghiên cứu rất thuyết phục, từ kinh nghiệm khi làm việc với HS, chúng tôi tin một cách mạnh mẽ rằng nội dung về nếp nghĩ phát triển trong tài liệu này rất cần thiết. Đối với các GV làm công tác chủ nhiệm thì những nền tảng trên càng cần hơn để GV có thể đồng hành một cách tích cực với HS.

– Hiện đại - Khoa học - Hội nhập - Nhất quán

Hiện đại: Tập sách cố gắng vận dụng, cập nhật những lí thuyết, mô hình, công cụ, nghiên cứu hiện đại. Hiện đại không có nghĩa là bỏ những mô hình cũ, nhưng mô hình cũ cần được những nghiên cứu mới, vận dụng linh hoạt để cho thấy nó còn tính thời sự và hiệu quả.

Khoa học: Các lí thuyết, mô hình, công cụ cần có cơ sở khoa học và được giới nghiên cứu ủng hộ. Đối với sách GV, có những dẫn chứng tài liệu tham khảo cho những khẳng định cần thiết. Điều này giúp các GV làm quen với phong cách khoa học nghiêm túc; GV được thuyết phục, vững tin hơn và nhờ đó có thể tạo thêm “trọng lượng” trong giảng dạy, dù có thể GV không có điều kiện xem các tài liệu tham khảo. Còn những độc giả quan tâm thì có thể tìm hiểu thêm để mở rộng tri thức, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Hội nhập: Hội nhập vào dòng chảy giáo dục hiện đại và tiên tiến trên thế giới bằng cách tìm tòi và cập nhật những kết quả nghiên cứu mới và thuyết phục (không quên sự tương thích với các quan điểm nền tảng đã chọn). Chúng tôi cố gắng vận dụng vào tài liệu những phương pháp, công cụ hiện đại được công nhận, xác nhận qua các nghiên cứu và được sử dụng trong giáo dục trên thế giới. Hội nhập còn thể hiện ở việc đề nghị những hoạt động giúp HS tiếp cận được xu hướng mới của thế giới. Bộ sách nhấn mạnh nhiều đến hoạt động làm việc nhóm, đến kĩ năng giao tiếp, trình bày,... bởi đây là các kĩ năng (được nghiên cứu thực tế chỉ ra) thuộc nhóm top 5 của các “kĩ năng thế kỉ 21”. Cuối cùng là hội nhập với hoàn cảnh địa phương, nghĩa là cố gắng đưa ra các hoạt động có tính khả thi cao với cả các trường lớp ở các vùng xa, thiếu thôn

trang thiết bị hiện đại. Tất nhiên, sự “hội nhập” này có thể gặp khó khăn vì không thể “hội nhập để trở về, giữ nguyên tình trạng cũ” mà “hội nhập để phát triển”. Có thể có GV gặp khó khăn vì chưa quen... Liên quan đến điều này, bộ sách không thể làm thay trách nhiệm trong đào tạo, huấn luyện GV.

Nhất quán: Các lí thuyết, mô hình, công cụ, phương pháp được sử dụng trong bộ sách cần nhất quán, tương thích với nhau, hỗ trợ nhau, không phủ nhận nhau. Đặc biệt, nhất quán là để ý đến sự xuyên suốt từ hành động, phương pháp, công cụ kĩ thuật,... đến quan điểm triết lí của nhà giáo dục. Ví dụ như GV đều được tập huấn các phương pháp soạn bài, giảng bài, tổ chức hoạt động theo quan điểm “Người học là trung tâm”, nhưng triết lí và cách hành xử với HS thì vẫn theo lối “Thầy là trung tâm”. Đó là chưa nhất quán nên khó thành công; hệ quả là trò vẫn bị áp đặt, điều khiển,... trở nên thụ động, tự ti, nhút nhát,... Đây là một vấn đề lớn trong giáo dục Việt Nam hiện nay: để ý đến huấn luyện phương pháp nhưng chưa quan tâm đến các lí thuyết nền tảng, triết lí giáo dục và cách ứng xử của người thầy.

1.2. Những điểm mới của sách HĐTN 1

Các nội dung trong sách HĐTN 1 được tổ chức thành 8 chủ đề, mỗi chủ đề được chia thành nhiều bài học. Chủ đề được thiết kế dựa trên chu trình Kolb; bài học trong chủ đề được cấu trúc dựa theo mô hình 5E phổ biến hiện nay với các bước Khởi động – Khám phá – Luyện tập – Mở rộng – Đánh giá. Mỗi chủ đề đều có sự liên kết giữa sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt theo chủ đề, sinh hoạt lớp; bảo đảm đáp ứng yêu cầu 105 tiết của HĐTN trong một năm học. Nếu điều kiện cho phép (thời gian, cơ sở vật chất...) thì GV có thể tổ chức thêm một số hoạt động mở rộng, nâng cao.

Mỗi chủ đề không tương ứng 1 – 1 với yêu cầu cần đạt trong khung chương trình đã ban hành, mà có sự giao thoa, tích hợp giữa các yêu cầu cần đạt trong 1 chủ đề, sao cho vẫn bảo đảm tỉ lệ thời gian được quy định theo khung chương trình.

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Cấu trúc sách

Sách HĐTN lớp 1 nói riêng và sách HĐTN cấp Tiểu học nói chung được cấu trúc theo chủ đề. Sách lớp 1 có 8 chủ đề, các chủ đề được xây dựng từ Chương trình HĐTN ban hành năm 2018 với các mạch nội dung hoạt động, các hoạt động tương ứng và các yêu cầu cần đạt. Mỗi chủ đề gồm các bài với

các hoạt động giúp HS đạt được các yêu cầu cần đạt về năng lực và phẩm chất. Bảng sau đây mô tả rõ sự chuyển hóa từ các yêu cầu cần đạt trong Chương trình HĐTN thành các chủ đề với các hoạt động (được phân nhóm theo bài).

Quy định của Chương trình HĐTN lớp 1			Tài liệu tổ chức HĐTN lớp 1
Mạch nội dung	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Chủ đề và các hoạt động
1. Hướng vào bản thân 60%: 5 chủ đề)	1.1. HĐ khám phá bản thân	1.1.1. Mô tả được hình ảnh bên ngoài của bản thân. 1.1.2. Thể hiện được một số biểu hiện cảm xúc và hành vi yêu thương phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp thông thường.	CĐ 1: Em và những người bạn [1.1.1; 1.1.2] – Hình dáng bên ngoài của em và của bạn – Sở thích của em và của bạn – Bức chân dung đáng yêu của em – Tự giới thiệu về em
	1.2. HĐ rèn luyện bản thân	1.2.1. Thực hiện được một số việc tự chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi. 1.2.2. Nêu được những hành động an toàn, không an toàn khi vui chơi và thực hiện được một số hành vi tự bảo vệ bản thân.	CĐ 6: Cảm xúc của em [1.1.2] – Nhận biết cảm xúc – Thể hiện cảm xúc khác nhau – Thể hiện cảm xúc theo cách tích cực – Em chọn thể hiện cảm xúc theo cách tích cực
			CĐ 2: Một ngày của em [1.2.1; 1.2.2] – Những việc em thường làm ở nhà – Mỗi ngày ở trường của em – An toàn mỗi ngày – Để mỗi ngày là một ngày vui
			CĐ 4: Em tự chăm sóc và phục vụ bản thân [1.2.1; 1.2.2] – Tìm hiểu việc tự chăm sóc và phục vụ bản thân – Em tự chọn trang phục và đồ dùng – Em giữ gìn sức khỏe – Thực hành tự chăm sóc bản thân
			CĐ 7: Em và những người xung quanh [1.1.1; 1.1.2; 1.2.2; 2.3.1] – Bảo vệ bản thân yêu quý của em – Những người sống quanh em – Lịch sự khi chào hỏi – Văn minh nơi công cộng

2. Hướng đến xã hội (25%: 2 chủ đề)	2.1. Chăm sóc gia đình	2.1.1. Thực hiện được lời nói, việc làm thể hiện tình yêu thương với các thành viên trong gia đình phù hợp với lứa tuổi. 2.1.2. Biết tham gia sắp xếp nhà cửa gọn gàng. 2.1.3. Biết cách sử dụng một số dụng cụ gia đình một cách an toàn.	CĐ 5: Gia đình yêu thương [2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 1.1.2] – Người thân trong gia đình – Biết ơn người thân – Món quà yêu thương – Gia đình vui vẻ
	2.2. Xây dựng nhà trường	2.2.1. Làm quen được với bạn mới, thể hiện sự thân thiện với bạn bè, thầy cô. 2.2.2. Nhận biết được những việc nên làm vào giờ học, vào giờ chơi và thực hiện được những việc đó. 2.2.3. Tham gia các hoạt động giáo dục của Sao Nhi đồng và của nhà trường.	CĐ 3: Trường lớp thân yêu [2.2.1; 2.2.2; 1.1.2] – Những người bạn đáng yêu – Lớp học thân thiện – Mái trường em yêu – Yêu mến thầy, cô giáo
	2.3. Hoạt động xây dựng cộng đồng	2.3.1. Biết thiết lập các mối quan hệ với hàng xóm. 2.3.2. Tham gia một số hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.	
3. Hướng đến tự nhiên (15%: 1 chủ đề)	3.1. Tìm hiểu và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên	3.1.1. Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi mình sinh sống. 3.1.2. Biết bảo vệ vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi mình sinh sống.	CĐ 8: Quê hương của em [3.1.1; 3.1.2; 3.2.1; 3.2.2; 2.3.1; 2.3.2] – Quê hương tươi đẹp – Những việc cần làm cho quê hương – Tuyên truyền bảo vệ môi trường – Giúp quê hương xanh, sạch, đẹp hơn – Vẽ bức tranh quê hương – Làm cho quê hương thêm xanh
	3.2. Tìm hiểu và bảo vệ môi trường	3.2.1. Nhận biết được thế nào là môi trường sạch, đẹp và chưa sạch, đẹp. 3.2.2. Thực hiện được một số việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi để bảo vệ môi trường xung quanh luôn sạch, đẹp.	

Trong mỗi chủ đề còn có phần sinh hoạt dưới cờ và sinh hoạt lớp với các hoạt động phù hợp với chủ đề hoặc chủ điểm tháng.

2.2. Cấu trúc chủ đề và bài học

Sách HĐTN 1 cấu trúc chủ đề và bài học phù hợp với Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

2.2.1. Đặc điểm cấu trúc chủ đề và bài học

– Chủ đề:

Chủ đề bắt đầu với các yêu cầu cần đạt nhằm định hướng và được diễn tả bằng cụm từ mang nét của nếp nghĩ phát triển như “Chăm chỉ rèn luyện, em đạt được”. Mỗi chủ đề được phân chia thành 4 tuần; riêng chủ đề 8 gồm 7 tuần. Mỗi tuần có ba loại hình sinh hoạt được sắp xếp như sau: sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt theo chủ đề và sinh hoạt lớp. Trình tự trên thể hiện nhịp sinh hoạt quen thuộc hàng tuần của HS/GV: đầu tuần có giờ chào cờ, cuối tuần có tiết sinh hoạt lớp. Tất nhiên, thứ tự trên hoàn toàn có thể được sắp xếp theo cách khác.

Sinh hoạt theo chủ đề có vai trò quan trọng – như nguồn cung cấp chất liệu cho các sinh hoạt khác. Các hoạt động chủ điểm tháng, hoạt động giáo dục địa phương cũng được quan tâm và tích hợp trong ba loại hình sinh hoạt trên nếu tương thích với chủ đề.

* Sách HĐTN 1 xây dựng chủ đề theo cách tích hợp, nghĩa là trong một chủ đề, bên cạnh yêu cầu cần đạt chính (của một mạch nội dung) còn có thể có thêm (tích hợp) một vài yêu cầu cần đạt “phụ” (của một mạch nội dung khác). Chủ đề theo kiểu tích hợp như thế tạo sự phong phú và tự nhiên hơn, thể hiện được tính giao thoa vốn có của cuộc sống.

– **Bài học:** Mỗi bài học trên được tổ chức thành năm bước giúp các em trải nghiệm sâu sắc và hiệu quả hơn:

Khởi động: để dẫn nhập và tạo hứng khởi; **Khám phá:** giúp em quan sát, xem xét... để nhận thức tình trạng, điều có thể, cần làm; **Luyện tập:** giúp em làm rõ, nắm vững hơn những điều vừa khám phá và chuẩn bị để làm tốt hơn phần mở rộng; **Mở rộng:** giúp em đào sâu điều đã lĩnh hội và vận dụng chúng

vào cuộc sống; **Đánh giá**: giúp em nhìn lại và đánh giá quá trình trải nghiệm của mình. Bạn bè, thầy cô, ba mẹ cũng có thể tham gia đánh giá để giúp các em trở nên tốt hơn. Đánh giá đồng đẳng được đặt cuối chủ đề. Việc đánh giá rất ý nghĩa cho HS, giúp các em có thể nhìn lại mình, về những suy nghĩ và hành động của mình. Cấu trúc bài học theo các bước **Khởi động**, **Khám phá**, **Luyện tập**, **Mở rộng** và **Đánh giá** sẽ được bàn thêm trong mục 3.2. *Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm*, cũng như được minh họa cụ thể trong phần 2, mục 1 (*Hướng dẫn tổ chức một bài học trong chủ đề*). Riêng **Đánh giá** sẽ được trình bày sâu hơn trong mục 4. **Kiểm tra và đánh giá kết quả của HĐTN**.

2.2.2. Một số chủ đề và bài học đặc trưng

2.2.2.1. Chủ đề đặc trưng

CHỦ ĐỀ 1: EM VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN

1) Yêu cầu cần đạt

MỤC TIÊU

- *Mô tả được hình dáng bên ngoài, sở thích của em và bạn bè;*
- *Thể hiện được sự yêu quý bản thân, tôn trọng mình và bạn bè;*
- *Biết cách tự giới thiệu về mình;*
- *Tạo được hình ảnh đáng yêu của em bằng các việc làm tốt.*

Nhận xét:

Các yêu cầu trên tương ứng với yêu cầu cần đạt của hoạt động “Khám phá bản thân” trong mạch nội dung “Hướng vào bản thân”: 1.1.1. Mô tả được hình thức bên ngoài của bản thân, 1.1.2. Thể hiện được một số hành vi yêu thương phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp thông thường.

Ngoài ra, yêu cầu cần đạt này còn tích hợp yêu cầu đầu ra “Làm quen được với bạn mới, thể hiện sự thân thiện với bạn bè” (thuộc hoạt động “Xây dựng nhà trường” của mạch nội dung “Hướng đến xã hội”).

2) Cấu trúc và nội dung các hoạt động trong chủ đề:

* Khái quát

Chủ đề 1: Em và những người bạn			
Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4
 1. SINH HOẠT DƯỚI CỜ			
Giới thiệu học sinh lớp 1	Em thể hiện sự nghiêm trang khi chào cờ	Cùng bạn vui Tết Trung thu	Giới thiệu những học sinh chăm ngoan của khối lớp 1
 2. SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ			
Bài 1. Hình dáng bên ngoài của em và của bạn	Bài 2. Sở thích của em và của bạn	Bài 3. Bức chân dung đáng yêu của em	Bài 4. Tự giới thiệu về em
 3. SINH HOẠT LỚP			
Em làm việc nhóm	Tự giới thiệu sở thích của em	Cùng bạn xây dựng lớp học đáng yêu	Cùng làm sơ đồ lớp học

* Mô tả chi tiết và ghi chú liên quan

(I) SINH HOẠT DƯỚI CỜ

Tuần 1: Giới thiệu học sinh lớp 1

Hãy chọn cách thể hiện đặc biệt khi được giới thiệu.

a) Hoạt động này liên quan đến chủ điểm tháng 9 là chào mừng năm học mới.

b) HS giới thiệu trước toàn trường. Anh chị lớp lớn hơn lên chào đón lớp 1.

Hoạt động này liên quan đến chủ đề, giúp HS biết giới thiệu bản thân qua một số cách thể hiện, tập thể hiện sự tôn trọng người khác,...

Tuần 2: Em thể hiện sự nghiêm trang khi chào cờ

HS bước đầu nhận biết ý nghĩa của hoạt động chào cờ và tập ý thức thực hành tư thế cần có khi chào cờ. Hoạt động này gắn kết chặt chẽ với chủ đề, nhằm giúp HS biết cách thể hiện sự tôn trọng người khác trong tình huống cụ thể (chào cờ).

Tuần 3: Cùng bạn vui Tết Trung thu

HS cùng các bạn tham gia các hoạt động phù hợp để vui Tết Trung thu: rước đèn, tham gia biểu diễn (xem) văn nghệ, xem múa lân,... Hoạt động này giúp HS biết cách cùng chơi với bạn bè, biết tôn trọng bạn bè khi vui chơi, nhận biết và thực hành cách đem niềm vui cho bản thân và người khác.

Nếu có HS tham gia biểu diễn văn nghệ thì GV cần để ý dùng cách nói của nếp nghĩ phát triển để khích lệ HS, giúp HS tự tin và làm tốt hơn.

Tuần 4: Giới thiệu những học sinh chăm ngoan của khối lớp 1

HS tập quan sát và chọn những người bạn điển hình trong tháng (đầu tiên) để giới thiệu trước toàn trường. Hoạt động này có ý nghĩa tương tự hoạt động của tuần 3, nhưng nhấn mạnh đến điểm tốt của HS. Ngoài những lưu ý như trong tuần 3 ở trên, GV rất cần giúp HS quan sát và đề cử bạn dựa trên quá trình cố gắng của bạn bè chứ không phải tập trung vào kết quả cuối cùng và nên để chính HS được giới thiệu kể về một việc tốt em đã cố gắng thực hiện.

(II) SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ

Các bài học trong chủ đề kết hợp với nhau thể hiện được chu trình Kolb trong HĐTN. HS tiếp cận và thể nghiệm thực tế (đang diễn ra) cũng như khai thác cả kinh nghiệm đã có. HS quan sát kỹ lưỡng, xem xét thấu đáo (ngẫm nghĩ về những kinh nghiệm đã, đang có), đặt và trả lời câu hỏi, thảo luận,... Vận dụng, tổng hợp những kiến thức, kỹ năng – thực hành ở mức độ nào đó để hiểu, giải thích, tìm những mối liên hệ, so sánh, đưa ý tưởng, rút ra khái niệm; chuyển hoá những kinh nghiệm cũ và mới thành hiểu biết mới, kỹ năng mới, sắm vai, thực hành, vận dụng vào thực tế...

Tuần 1: Hình dáng bên ngoài của em và của bạn

Nhằm giúp HS nhận ra và miêu tả được dáng vẻ bên ngoài của bản thân và các bạn; quan sát, chỉ ra được sự khác biệt giữa mình và bạn bè; thực hiện được một số hành động diễn tả sự yêu quý bản thân và tôn trọng người khác.

Tuần 2: Sở thích của em và của bạn

Gồm các hoạt động giúp HS khám phá và nêu được sở thích của mình và bạn bè. Qua đó, HS nhận thức thêm về bản thân và người khác. Việc khám phá sở thích dựa trên mô hình nhiều loại thông minh của Gardner. Trong sách GV có phần phụ lục về mô hình này để GV tham khảo.

Tuần 3: Bức chân dung đáng yêu của em

Các hoạt động trong bài học này giúp HS khám phá, tìm hiểu kĩ hơn về bản thân khi tìm và chọn hình ảnh đặc trưng về mình (dáng vẻ bên ngoài cũng như sở thích). Qua việc làm bức chân dung về mình, HS tập dần nhận ra giá trị của bản thân, học cách trân quý chính mình.

Các chuẩn đầu ra được tích hợp thêm trong bài này rất đa dạng và thực tế: HS tập sắp xếp, dọn dẹp ngăn nắp sau làm việc; an toàn khi sử dụng dụng cụ (kéo,...); chọn thể hiện hành động đáng yêu qua việc tôn trọng bạn, tôn trọng sản phẩm/đồ dùng của bạn trong lúc làm việc nhóm... Để khai thác các chuẩn đầu ra như thế, tất nhiên, GV cần đặt câu hỏi để HS tự nhận thức và nêu ra được những hành vi phù hợp mà mình cần phát huy.

Nếu có thời gian, GV còn có thể dễ dàng tích hợp một phần STEAM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Nghệ thuật/Nhân văn và Toán) hoặc Toán và Mỹ thuật trong bài học này khi giúp HS nhận biết, tìm hiểu thêm về hình học, màu sắc, vật liệu các em sử dụng, đo đạc, kẻ, cắt dán,...

Tuần 4: Tự giới thiệu về em

Những hoạt động giúp HS cảm nhận sâu hơn về bản thân, về giá trị bản thân khi em chuẩn bị và giới thiệu mình cho người khác. Em không chỉ nhận rõ hơn về những điều em trình bày mà còn hiểu thêm về bản thân khi tập giới thiệu. HS tập kĩ năng nói chuyện, trình bày trước người khác; thực hành hành động đáng yêu khi nghe bạn trình bày...

Đây là bài học rất thú vị và ý nghĩa nếu GV khai thác, tổ chức và vận dụng nếp nghĩ phát triển một cách thấu đáo, giúp các em đón nhận bản thân ngay cả khi các em làm chưa được. Ngược lại, nếu GV (có khi chỉ vô tình) thể hiện nếp nghĩ cố định qua cách ứng xử nào đó (như tỏ vẻ khó chịu/chê bai khi em nói chưa hay, làm chưa được...; dùng cách nói của nếp nghĩ cố định...) thì có thể làm cho HS thiếu/mất đi sự tự tin do em chỉ cảm nhận được những cái dở từ não trạng và cách hành xử của GV (người có ảnh hưởng rất lớn đến HS).

(III) SINH HOẠT LỚP

Sinh hoạt lớp có 2 phần: sinh hoạt chủ nhiệm và hoạt động theo chủ đề.

1. Sinh hoạt chủ nhiệm: gồm các hoạt động cơ bản mang tính thủ tục trong tổ chức lớp học (thường được gọi là sinh hoạt chủ nhiệm) và vì vậy có thể hiểu lệch rằng trong phần này GV chủ động, còn HS đóng vai thụ động. Thực ra

các hoạt động này rất cần được tổ chức để HS tham gia một cách chủ động và tích cực, giúp giờ sinh hoạt của lớp ý nghĩa và thành công. Những hướng dẫn và gợi ý tổ chức sinh hoạt lớp theo cách chủ động được giới thiệu chi tiết trong sách HDTN dành cho GV. Phần sinh hoạt lớp, đặc biệt trong những tuần đầu tiên của năm học, có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức lớp học, giúp xây dựng bầu không khí lớp học chủ động, kỉ luật tích cực,...

Riêng trong tài liệu này chúng tôi trình bày một số hướng dẫn tổ chức một tiết sinh hoạt lớp trong *Phần hai: Gợi ý, hướng dẫn tổ chức một số hoạt động*.

2. *Hoạt động theo chủ đề*: là phần hoạt động thay đổi theo mỗi tuần của buổi sinh hoạt lớp, gắn với chủ điểm của tháng, qua đó, giúp HS mở rộng, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã được học và có thêm kĩ năng liên quan đến chủ đề, chủ điểm.

Sau đây là nội dung của các hoạt động theo chủ đề (*Em và những người bạn*) dành cho 4 tuần của sinh hoạt lớp.

Tuần 1: Em làm việc nhóm

HS cùng bạn tìm hiểu và thực hành cách làm việc nhóm hiệu quả.

GV và HS cùng đưa ra những tình huống đặc trưng của làm việc nhóm trong lớp để HS sắm vai theo nhóm.

Tuần 2: Tự giới thiệu sở thích của em

Giới thiệu sở thích và những vật dụng, sản phẩm gắn liền với sở thích của mình.

HS chuẩn bị trước để giới thiệu sở thích cho nhóm (lớp) bằng cách minh họa cụ thể: biểu diễn minh họa (nếu có thể và thuận tiện trong điều kiện của trường lớp), giới thiệu vật dụng và sản phẩm (dùng hiện vật cụ thể),...

Ví dụ: HS thích đọc sách có thể đem theo sách để giới thiệu cuốn sách và kể về một nội dung hấp dẫn trong sách; HS thích võ có thể mặc đồng phục võ và biểu diễn một vài động tác; HS thích vẽ sẽ giới thiệu tranh vẽ; HS thích chơi một trò chơi có thể vừa giới thiệu vài điều hay của trò chơi vừa hướng dẫn các bạn cách chơi;...

Trong hoạt động này, GV rất cần động viên, khích lệ HS cũng như giúp các em nhận xét theo tinh thần nếp nghĩ phát triển: chú ý quá trình chứ không phải kết quả; khen ngợi nỗ lực thay cho tài năng, thông minh; sai sót, vấp vấp là cơ hội để làm tốt hơn; sẵn sàng thử tìm hiểu các hoạt động khác;...

Tuần 3: Cùng bạn xây dựng lớp học đáng yêu

HS khám phá và chọn kiểu lớp học đáng yêu mà các em mong muốn. HS đưa ra những hành động thiết thực để có được lớp học đáng yêu. Sắm vai cách ứng xử những tình huống để xây dựng lớp học như thế.

Thực hành việc làm trong tuần để lớp đáng yêu: HS chọn và cam kết thực hiện 1 – 2 việc làm/thái độ ứng xử trong tuần, nói ra trước nhóm (lớp) và có phiếu theo dõi trong tuần để HS tự đánh giá quá trình, đánh giá đồng đẳng, đánh giá của GV.

Tuần 4: Cùng làm sơ đồ lớp học

Dưới sự hướng dẫn của GV, HS cùng tham gia xây dựng sơ đồ lớp học bằng hình ảnh và tên của HS. GV có thể chia nhiều công việc nhỏ khác nhau và tổ chức làm theo nhóm để mọi HS đều có cơ hội tham gia.

Có thể “trò chơi hóa” hoạt động này trong (sau) lúc làm sơ đồ.

2.2.2.2. Bài học đặc trưng



Sinh hoạt dưới cờ

(1) Chào cờ

(2) Hoạt động theo chủ đề 1: Giới thiệu HS khối lớp 1

+ Hoạt động này gắn kết với chủ điểm Chào mừng năm học mới của tháng 9. Giúp HS lớp 1 có thêm niềm vui và hứng khởi ở trường lớp mới.

+ Trong tuần đầu tiên của năm học, các HS của khối lớp 1 được giới thiệu trước toàn trường. Mỗi lớp 1 cùng ra mắt, chào, tự giới thiệu,... thật ấn tượng, độc đáo và ngắn gọn theo cách lớp đã chọn và chuẩn bị trong phần sinh hoạt lớp... Đại diện của các lớp lớn hơn sẽ lên chào đón (và có thể kèm tặng hoa...) các em lớp 1.

Đây cũng là hoạt động kết nối với chủ đề *Em và những người bạn*. HS học cách giới thiệu bản thân (có thể chỉ qua cử chỉ đi, đứng, nhìn, cúi chào, mỉm cười,...), tập thể hiện những hành động đáng yêu (cảm ơn, chào,...) phù hợp hoàn cảnh; tập thể hiện sự tôn trọng chính mình và bạn bè;...



Chủ đề 1: Hình dáng của em và các bạn

Mỗi bài học đều bao gồm 5 thành phần cơ bản **Khởi động**, **Khám phá**, **Luyện tập**, **Mở rộng** và **Đánh giá**.



Khởi động: HS cùng hát và làm các cử chỉ điệu bộ bài *Vườn hoa* (Mỗi người là một nụ hoa...). Sau khi hát, GV có thể đặt thêm câu hỏi gợi ý: “Nụ hoa của em” có tóc, khuôn mặt,... như thế nào?

+ Hoạt động khởi động này giúp thu hút sự quan tâm của HS vào bài học, khai thác những điều em đã học, biết trước đây, giới thiệu bài mới và tạo hứng khởi cho HS đối với nội dung mới.

+ GV có thể đề nghị HS soi gương và thử làm các điệu bộ khác nhau.



Khám phá: HS soi gương và mô tả hình dáng bên ngoài của em.

+ Từ hoạt động chuẩn bị ở bước 1, dễ dàng giúp HS đi vào khám phá về bản thân khi nêu được những đặc điểm bên ngoài của em theo một số gợi ý trong sách.



Luyện tập: Gồm hai hoạt động:

- Quan sát và mô tả hình dáng bên ngoài của một bạn trong lớp.
- Hình dáng của em và của bạn có điểm gì giống nhau và khác nhau?

Hai hoạt động này nhằm giúp HS:

+ Thực hành điều mình vừa khám phá, qua đó HS làm rõ, nắm vững và làm tốt hơn điều cần thực hiện.

+ Quan sát và nhận ra mình hoàn toàn khác biệt, các bạn khác cũng thế.



Mở rộng:

Em thể hiện sự yêu quý bản thân và tôn trọng bạn.

Hoạt động của mở rộng giúp HS vận dụng hoặc/và đào sâu hơn điều em đã nhận được từ bước **Luyện tập**: Em đặc biệt và em diễn tả hành động yêu quý bản thân em. Bạn cũng đặc biệt và em tập thể hiện hành động tôn trọng bạn.

Nếu có thời gian, GV có thể tổ chức thêm một hoạt động mở rộng như “hình dung ngôi sao nhỏ” đã được trình bày trong sách HĐTN dành cho GV để giúp HS cảm nhận sâu hơn giá trị của bản thân.



Đánh giá: Có bảng đánh giá để HS tự đánh giá 2 tiêu chí:

- + Em mô tả được hình dáng bên ngoài của em và của bạn.
- + Em biết cách tôn trọng bản thân và bạn bè.



Sinh hoạt lớp

1. Sinh hoạt chủ nhiệm (Xem *Hướng dẫn tổ chức sinh hoạt lớp* thuộc *Phần hai: Gợi ý, hướng dẫn tổ chức một số hoạt động*).

2. Chủ đề 1, tuần 1: Em làm việc nhóm

HS cùng nhau tìm hiểu và thực hành cách làm việc nhóm hiệu quả. HS có thể nhìn hình ảnh (xem video ngắn) và diễn tả (mô tả) từng đặc điểm của làm việc nhóm hiệu quả.

HS làm việc theo nhóm để sắm vai thể hiện một trong những đặc trưng của nhóm hiệu quả.

GV có thể dùng trò chơi ngắn để giúp HS nhận biết một vài đặc trưng của làm việc nhóm. Ví dụ: Trò chơi *Truyền tin* để nhận ra tầm quan trọng và thực hành việc lắng nghe,...

3. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp tổ chức HĐTN

- Người học là chủ thể

Đây là hướng tiếp cận “người học là trung tâm” mà GV đã được tập huấn nhiều về phương pháp giảng dạy, kỹ thuật tổ chức hoạt động giáo dục,... dựa trên cách tiếp cận này. Như đã trình bày trong phần đầu về quan điểm có tính triết lý của tập sách, điều rất cần được quan tâm trong giáo dục ở Việt Nam hiện nay chính là cách nghĩ, quan điểm và cách ứng xử của GV đối với HS phù hợp với cách tiếp cận đã chọn. Đây là vấn đề có tính nền tảng, có vai trò quyết định trong giáo dục nói chung và HĐTN nói riêng, nhất là khi đồng

hành với HS trong vai trò GV chủ nhiệm. Cách tiếp cận “người học là chủ thể của nhận thức và hành vi” ngược với quan điểm xem HS là kiểu người công cụ nhưng phù hợp với quan điểm nhìn nhận HS là người tự do, các em cần được giáo dục để ý thức về sự tự do và có trách nhiệm với sự tự do đó. Từ đây, nếu theo cách tiếp cận người học là trung tâm, GV cần phải từ bỏ kiểu áp đặt quyền lực, mệnh lệnh từ trên xuống; kiểu giảng giải, khuyên bảo một chiều; kiểu đề ra các quy định và bắt HS phải tuân theo mà không có sự đối thoại tích cực... GV cần thay đổi để HS cùng tham gia vào việc tổ chức lớp học, HS cùng GV đưa ra các quy định chung và hệ quả nếu không thực hiện, giúp HS tập đề ra giải pháp cho vấn đề các em gặp phải (thay vì GV khuyên răn)... Tương thích với định hướng “người học là chủ thể”, sách HDTN giới thiệu một mô hình trong lý thuyết Chọn lựa của nhà tâm lý W. Glasser để vận dụng vào việc tổ chức lớp học trong sinh hoạt lớp, và trong việc đồng hành giúp HS ý thức và có trách nhiệm với sự tự do của em.

Xem mục *Hướng dẫn tổ chức giờ sinh hoạt lớp* thuộc *Phần hai: Gợi ý, hướng dẫn tổ chức một số hoạt động*. Trong đó có trình bày chi tiết hơn về quy trình gồm bốn bước tương ứng với bốn câu hỏi cơ bản (có thể thêm những câu hỏi phụ) để GV đồng hành với lớp nói chung và từng HS một cách tích cực.

- Phát triển năng lực và phẩm chất

Như đã trình bày trong mục 1.1. *Quan điểm biên soạn...*, giới nghiên cứu cho thấy tồn tại hai loại lối nghĩ khác nhau: nếp nghĩ phát triển và nếp nghĩ cố định. Chúng có ảnh hưởng lớn đến việc học, sự phát triển bản thân của HS. Nếu lối nghĩ và thái độ của GV đối với HS theo kiểu nếp nghĩ cố định thì HS rất khó có thể phát triển được năng lực như mong muốn (dù bài học được thiết kế hay...). Ngược lại, GV có lối nghĩ và thái độ ứng xử đối với HS theo kiểu nếp nghĩ phát triển sẽ giúp HS phát triển năng lực tốt hơn và thành công hơn. Như vậy, ngoài việc thiết kế chương trình, viết sách, soạn giáo án, tổ chức giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất, GV còn cần thay đổi để có được nếp nghĩ và thái độ thích hợp với định hướng này. Cần nhấn mạnh lại rằng mô hình nếp nghĩ phát triển của Dweck phù hợp với cách tiếp cận người học là chủ thể vừa được đề cập ở trên. Do đó, các mô hình, lý thuyết được sử dụng ở đây hoàn toàn nhất quán với nhau.

Phụ lục kèm theo tài liệu tập huấn này giới thiệu *Một số vấn đề về nếp nghĩ phát triển* với thông tin chi tiết về nếp nghĩ phát triển và việc vận dụng lối

ngữ này trong tổ chức hoạt động giáo dục nói chung, và nói riêng trong hoạt động trải nghiệm, tổ chức lớp học, và đồng hành với HS, nhất là những HS gặp khó khăn trong học tập.

3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức HĐTN

3.2.1. Một số phương thức tổ chức HĐTN

3.2.1.1. Phương thức Khám phá

– Đây là cách thức tổ chức hoạt động nhằm giúp HS được trải nghiệm thế giới thực ở chính bản thân, ở con người xung quanh, ở thế giới tự nhiên, trong cuộc sống và công việc hàng ngày; giúp HS phát hiện ra và tìm hiểu những điều mới mẻ kì diệu cũng như những vấn đề nơi môi trường xung quanh; vun đắp tình yêu quê hương đất nước, lòng nhân ái (đối với người khác và đối với chính bản thân mình); nhận ra và biết chọn lựa hành vi tích cực trong các hoàn cảnh khác nhau.

– Khám phá ở mức độ cơ bản và có tính cá nhân, gồm những kiểu quan sát kĩ bằng các giác quan (xem/nhìn, nghe, sờ chạm, nếm, ngửi). Khám phá ở mức mở rộng và có tính tổ chức, bao gồm các hoạt động như dã ngoại, tham quan, cắm trại, thực địa,...

3.2.1.2. Phương thức Thể nghiệm, tương tác

– Thể nghiệm, tương tác là cách thức tổ chức hoạt động để HS được trao đổi, giao lưu với nhau, được tác nghiệp và thể nghiệm các ý tưởng khác nhau của cá nhân và của tập thể.

– Cách thức này bao gồm các hoạt động như trò chơi, sắm vai tình huống, đóng kịch, hoạt cảnh, thảo luận nhóm, hội thi,...

3.2.1.3. Phương thức Công hiến

– Công hiến là cách thức tổ chức hoạt động nhằm giúp HS có cơ hội chia sẻ, đóng góp những gì em có thể (khả năng, công sức, tiền của,...) qua các hoạt động xã hội để góp phần giúp cộng đồng, xã hội tốt đẹp hơn.

– Công hiến gồm các hoạt động kiểu lao động công ích (như làm sạch trường lớp, thôn xóm, bờ biển, chương trình “Một giây hành động - Bảo vệ môi trường”,...), hoạt động tình nguyện nhân đạo (tiết kiệm và chia sẻ giúp các bạn khó khăn, quyên góp giúp đồng bào bị bão lụt,...), tuyên truyền (vẽ tranh cổ động bảo vệ môi trường,...).

3.2.1.4. Phương thức Nghiên cứu

– Cách thức tổ chức hoạt động nhằm tạo cho HS cơ hội tham gia dự án, hoạt động theo đề tài có tính khoa học, kết nối với thực tế; qua việc khám phá và phát hiện ra những vấn đề, nhu cầu thực tế và tìm giải pháp khắc phục,...

– Phương thức này bao gồm các hoạt động khảo sát, điều tra (khảo sát việc phân loại rác của HS trong trường,...), làm dự án (trồng cây xanh,...), sáng tạo nghệ thuật, công nghệ, hoạt động STEM/STEAM, hoạt động câu lạc bộ (cũng là một cách thức tổ chức hoạt động có tính nghiên cứu, sáng tạo),...

3.2.2. Loại hình HĐTN

Như đã được hướng dẫn trong Chương trình HĐTN của Bộ GD&ĐT (12/2018) HĐTN có thể được tổ chức trong và ngoài trường/lớp với quy mô nhóm, lớp, khối lớp hoặc trường.

HĐTN có bốn loại hình hoạt động chủ yếu:

- Sinh hoạt dưới cờ.
- Sinh hoạt lớp.
- Hoạt động giáo dục theo chủ đề: gồm hoạt động thường xuyên (hàng tuần) và hoạt động định kì (học kì, năm,...).
- Hoạt động câu lạc bộ.

Việc tổ chức các hoạt động như trên cần sự tham gia hợp tác, liên kết của nhiều nguồn lực khác nhau trong và ngoài nhà trường như: Ban Giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên môn học, chuyên viên tư vấn học đường, cán bộ phụ trách Đoàn/Đội, phụ huynh, các tổ chức, cá nhân trong xã hội,...

3.2.3. Một số đề nghị

Để HĐTN đạt hiệu quả, rất cần quan tâm đến một số điểm quan trọng sau đây:

- Tìm cách tạo hứng khởi, lôi cuốn mỗi HS tham gia tích cực, phát huy tính chủ động, tôn trọng và khích lệ sự sáng tạo của HS.

[Trong khuôn khổ một bài học (của mỗi chủ đề), yêu cầu trên có thể được thực hiện qua các hoạt động của bước Khởi động (một trong các bước dựa theo mô hình 5E cho mỗi bài của chủ đề: Khởi động – Khám phá – Luyện tập – Mở rộng – Đánh giá).]

– Tạo cơ hội, điều kiện cho HS được tự khám phá, được trải nghiệm qua việc quan sát, tìm tòi để làm rõ và vận dụng những kinh nghiệm đã có và đang có (đang trải nghiệm) cho một vài tình huống thực tế đơn giản, tập làm từ những hành động nhỏ.

[Các yêu cầu này có thể được lồng trong các hoạt động trong bước Khám phá và bước Luyện tập.]

– Cần tạo cơ hội để HS có thể chủ động suy nghĩ, mở rộng, phát triển, ứng dụng trải nghiệm vừa có vào cuộc sống, đề ra cách thức thực hiện.

[Hoạt động của bước Mở rộng cho bài học có thể giúp giáo viên thực hiện được điều này.]

– Linh động sử dụng các phương pháp giáo dục khác nhau, luôn cần gắn chặt với nền tảng “triết lí” định hướng cho các phương pháp, trong đó việc vận dụng nếp nghĩ phát triển trong cách ứng xử và kiểu suy nghĩ đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển năng lực và phẩm chất, như đã trình bày trong mục 3.1.

4. KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CỦA HĐTN

4.1. Kiểm tra và đánh giá năng lực, phẩm chất

4.1.1. Các yêu cầu cơ bản của đánh giá HĐTN

Theo Chương trình giáo dục HĐTN 12/2018, đánh giá kết quả giáo dục trong Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phải bảo đảm các yêu cầu sau:

(1) Mục đích đánh giá là thu thập thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt so với chương trình; sự tiến bộ của HS trong và sau các giai đoạn trải nghiệm.

(2) Nội dung đánh giá là các biểu hiện của phẩm chất và năng lực của HS theo quy định trong chương trình, thông qua các hoạt động cụ thể: hoạt động theo chủ đề, hoạt động hướng nghiệp; quá trình tham gia hoạt động tập thể; sản phẩm của HS trong mỗi hoạt động; sinh hoạt dưới cờ; sinh hoạt lớp.

(3) Phương thức đánh giá là sự kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá của HS, đánh giá đồng đẳng của HS trong lớp, đánh giá của cha mẹ HS, đánh giá của cộng đồng.

(4) Cú liệu đánh giá dựa trên thông tin thu thập được từ quan sát của GV, tự đánh giá của HS, đánh giá đồng đẳng của các HS trong lớp, ý kiến nhận xét của cha mẹ HS và cộng đồng.

(5) Kết quả đánh giá đối với mỗi HS là kết quả tổng hợp đánh giá thường xuyên và định kì về phẩm chất, năng lực. Việc đánh giá có thể phân ra làm một số mức để xếp loại. Kết quả đánh giá *Hoạt động trải nghiệm* và *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* được ghi vào hồ sơ học tập của HS (tương đương một môn học).

4.1.2. Một số đặc trưng quan trọng của đánh giá

– Đánh giá là một phần không thể thiếu của quá trình dạy học, và đánh giá, nói cho cùng, chính là vì sự phát triển của HS. Đánh giá để HS phát triển, tiến bộ, nghĩa là việc đánh giá cần phải cho HS những thông tin phản hồi giúp HS nhận biết mình tiến bộ đến đâu, những năng lực nào đã có sự tiến bộ hoặc chưa tiến bộ, năng lực nào còn yếu cần điều chỉnh, rèn luyện thêm.

– Khi mục đích đánh giá là vì sự phát triển của HS thì việc đánh giá cần phải làm sao để không làm tổn thương và không gây sợ hãi cho HS mà nhằm khích lệ, thúc đẩy HS nỗ lực vươn lên. Lúc này, kiểu suy nghĩ phát triển sẽ giúp GV rất tích cực trong đánh giá.

– Việc đánh giá cần phải diễn ra trong suốt quá trình dạy học, giúp HS so sánh (với chính mình) và nhận ra bản thân thay đổi ra sao. Cần chú ý rằng không chỉ GV biết cách đánh giá HS, mà quan trọng không kém là HS cần phải được biết cách đánh giá của GV, biết tự đánh giá chính mình và biết đánh giá lẫn nhau. Qua đó, HS có khả năng tự nhìn lại mình để rèn luyện tốt hơn. Cách đánh giá như thế sẽ thực sự giúp HS hình thành năng lực.

– Việc đánh giá không chỉ giúp định hướng, điều chỉnh hoạt động học của HS. Đánh giá còn giúp chính GV có những thông tin thực tế để nhận ra thực trạng và điều chỉnh hoạt động dạy, nhìn lại và nhận ra những điểm mạnh/yếu của mình, tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động dạy học.

4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp tổ chức kiểm tra, đánh giá trong hoạt động trải nghiệm lớp 1

Để thấy được sự tiến bộ của HS trong và sau các giai đoạn trải nghiệm, cần có cả hai cách thức đánh giá: đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc. Chúng cần được thực hiện trong mỗi loại hình HĐTN (HĐTN theo chủ đề, HĐTN trong sinh hoạt dưới cờ, HĐTN trong sinh hoạt lớp,...).

– Đánh giá quá trình được sử dụng xuyên suốt chủ đề, học kì, năm học, ... Trong đánh giá quá trình, HS cho thông tin phản hồi về hoạt động học của HS. Qua đó, GV nhận ra tình trạng thực tế để điều chỉnh hoạt động dạy. Về phía HS, các em cũng có được các thông tin về hoạt động học của chính mình và cố gắng thay đổi cho tốt hơn.

Để đánh giá quá trình ý nghĩa hơn, sách HĐTN lớp 1 chọn cách tự đánh giá để HS được tự đánh giá bản thân. Khi đó, HS sẽ có ý thức hơn về trách nhiệm bản thân, nhận ra và tập làm quen với việc giữ vai trò “chủ thể” trong quá trình phát triển bản thân.

Việc đánh giá quá trình, đánh giá kết thúc cũng có thể được thực hiện bởi phụ huynh, cộng đồng. Sau mỗi bài học mà có những hoạt động ở nhà, hoặc sau mỗi chủ đề, phụ huynh có thể cùng tham gia cho ý kiến về sự tiến triển của HS.

Ý kiến của phụ huynh về sự tiến bộ của HS

GV hoàn toàn có thể sử dụng đánh giá quá trình (theo kiểu tự đánh giá) của HS để tạo ra bảng đánh giá quá trình của GV; có thể thêm những tiêu chí liên quan đến mức độ tham dự (tham dự nhiều/ít, ...), mức độ tích cực (giơ tay phát biểu, chăm chú nghe giảng, ...).

– Đánh giá kết thúc được dùng khi kết thúc một chủ đề, học kì, năm học để giúp HS biết được khả năng học tập của mình. Trong sách HĐTN lớp 1, đánh giá kết thúc không sử dụng hình thức cho điểm mà chủ yếu dùng cách đánh giá theo tiêu chí: xác định mức độ biểu hiện (tốt, đạt, cần cố gắng) theo những tiêu chí đã được định rõ (dọn dẹp ngăn nắp sau khi làm; giúp đỡ bạn; ...). Các tiêu chí trong các đánh giá này cần bám sát các yêu cầu cần đạt của chương trình khung, thể hiện qua các mục tiêu cụ thể về năng lực và phẩm chất của mỗi loại hình HĐTN. Việc đánh giá kết thúc có thể được thực hiện bởi cá nhân HS và GV.

5. HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG HỖ TRỢ NGƯỜI DÙNG BỘ SÁCH HĐTN

Nhằm hỗ trợ tốt nhất cho việc tập huấn tổ chức hoạt động trải nghiệm và tối ưu hóa việc sử dụng sách HĐTN, NXBGDVN phát triển đồng thời hệ thống tập huấn qua mạng và hệ thống SGK điện tử chung cho các hoạt động giáo dục, trong đó có hoạt động trải nghiệm.

5.1. Giới thiệu về hệ thống tập huấn qua mạng - taphuan.nxbgd.vn

Việc tập huấn tổ chức hoạt động theo sách Hoạt động trải nghiệm (HĐTN) lớp 1 của NXBGDVN được thực hiện theo cách kết hợp (Blended training): kết hợp tập huấn trực tiếp và tập huấn qua mạng.

NXBGDVN phát triển hệ thống tập huấn qua mạng nhằm bảo đảm tất cả các GV, cán bộ quản lý giáo dục (CBQLGD) được tiếp cận trực tiếp bài giảng, những giải đáp của chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK lớp 1 để tiếp nhận đầy đủ và có thể vận dụng sáng tạo ý tưởng, nội dung, phương pháp,... vào việc tổ chức hoạt động giáo dục theo sách HĐTN lớp 1 cũng như quản lý giảng dạy tại địa phương.

Hệ thống tập huấn qua mạng là một công cụ hỗ trợ đắc lực cho sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), phòng GD&ĐT, các trường triển khai sử dụng bộ sách “Chân trời sáng tạo” của NXBGDVN, quản lý công tác tập huấn tại địa phương.

Các tính năng tương tác qua mạng như Facebook, Zalo, Viber, Email,... cũng được phát triển để người học và người dạy có thể dễ dàng trao đổi, hỏi đáp, thảo luận với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên, họa sĩ và đội ngũ hỗ trợ của NXBGDVN.

5.1.1. Mô hình và phương thức tổ chức tập huấn

Việc tổ chức tập huấn HĐTN theo quy trình kết hợp sau đây, trong đó khai thác những lợi thế mạnh mẽ của hệ thống học tập qua mạng để giúp hoạt động dạy học đạt kết quả cao và chất lượng nhất.

Tập huấn tổ chức hoạt động theo sách HĐTN Chân trời sáng tạo của NXBGDVN	
Mô hình	Phương thức
Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK tập huấn cho CBQLGD và GV cốt cán (cấp Sở)	NXBGDVN, Sở GD&ĐT tập huấn trực tiếp và qua mạng
GV cốt cán cấp Sở tập huấn nhân rộng cho CBQLGD và GV cốt cán của phòng GD&ĐT, nhà trường	Sở GD&ĐT tổ chức tập huấn, NXBGDVN hỗ trợ: – Tập huấn qua mạng (kèm tài liệu điện tử) – Tác giả trao đổi qua mạng công nghệ thông tin và truyền thông
Sinh hoạt chuyên môn tại cụm trường, trường	Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả tham gia sinh hoạt chuyên môn qua mạng

5.1.2. Các học liệu và tiện ích của hệ thống tập huấn qua mạng

- Tài liệu tập huấn tổ chức hoạt động trải nghiệm theo sách HĐTN mới;
- Các video clip: video clip tiết học minh họa để tham khảo; video clip giới thiệu tổng quan sách HĐTN và video clip giới thiệu những nét đặc trưng về cấu trúc sách, nội dung, phương pháp, cách tổ chức hoạt động trải nghiệm;
- Bộ câu hỏi thường gặp và giải đáp được tổng hợp, chắt lọc qua các hội thảo, các đợt tập huấn liên quan đến tổ chức hoạt động trải nghiệm của NXBGDVN;
- Câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn qua mạng;
- Bộ các công cụ tiện ích để CBQLGD, GV trao đổi với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên của NXBGDVN và chia sẻ kinh nghiệm triển khai dạy học với đồng nghiệp trên toàn quốc;
- Hướng dẫn sử dụng hệ thống tập huấn qua mạng để tự học, tự bồi dưỡng và tổ chức tập huấn GV của sở, phòng GD&ĐT, sinh hoạt chuyên môn tại cụm trường, trường.

5.1.3. Lợi ích cho cơ quan quản lý giáo dục, GV, CBQLGD

- Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK tập huấn, đồng hành hỗ trợ nên bảo đảm được tính nhất quán, nguyên bản trong tập huấn;
- Hệ thống luôn được cập nhật và hoạt động 24/7 nên bảo đảm được cập nhật thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

– Kết xuất các báo cáo, thống kê, phân tích kết quả tập huấn giúp các cấp quản lý giáo dục sở, phòng GD&ĐT, trường dễ dàng theo sát và quản lý.

5.2. Hệ thống sách điện tử – hanhtrangso.nxbgd.vn

Với mục đích hỗ trợ triển khai sách mới, SGK HĐTĐN điện tử là dịch vụ gia tăng dành cho đơn vị, cá nhân sử dụng SGK HĐTĐN in trên giấy của NXBGDVN.

Nói chung, SGK điện tử (trong đó có sách HĐTĐN) của NXBGDVN có một số điểm nổi bật và đặc sắc sau:

5.2.1. Tích hợp và mở rộng

SGK điện tử lớp 1 trong bộ sách *Chân trời sáng tạo* là phiên bản điện tử của SGK mới lớp 1 được tích hợp và mở rộng các nội dung liên quan:

- Các học liệu kèm theo SGK như tệp âm thanh, hình ảnh, video clip,... giúp GV có được nguồn tham khảo rất hữu ích và rất tiện dụng;
- Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học cần thiết để tổ chức hoạt động theo SGK;
- Sách bổ trợ, sách giáo viên;
- Hướng dẫn trả lời các câu hỏi, bài tập, hình ảnh, video clip, đánh giá kết quả trải nghiệm, giáo án mẫu để tham khảo;
- Tương tác với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên của cuốn sách và các đơn vị, cá nhân liên quan của NXBGDVN;
- Trao đổi, thảo luận qua mạng với cộng đồng người dùng sách;
- Tự học qua mạng Internet (Elearning).

SGK điện tử còn có những nét ưu việt nổi bật:

- Tích hợp truyền thông đa phương tiện, tạo liên thông nội dung SGK với các nguồn thông tin điện tử có liên quan.
- Giúp “động hoá” được các thông tin từ kênh hình, quá trình; kết hợp được nhiều kênh thông tin khác nhau như hình ảnh, âm thanh, chữ trong việc thể hiện nội dung kiến thức, trải nghiệm; linh hoạt trong việc bổ sung, hoàn thiện kiến thức, hình thành kinh nghiệm mới.

5.2.2. Cập nhật và phát triển không ngừng

Nội dung SGK điện tử được cập nhật thường xuyên. Phiên bản điện tử của SGK luôn là phiên bản mới nhất:

- Liên tục hoàn thiện, bổ sung, mở rộng những chức năng nâng cao của hệ thống;
- Liên tục hoàn thiện, mở rộng, nâng cao nội dung sách, học liệu.

5.2.3. Công nghệ

- Hệ thống sách điện tử chạy trên nền web và sử dụng các trình duyệt phổ biến như Chrome, FireFox, IE/Edge, Safari; thích hợp với thiết bị sử dụng là PC, máy tính bảng và điện thoại thông minh;
- Hệ thống thân thiện, đơn giản, dễ dùng cho mọi GV, HS, phụ huynh HS ở các vùng miền có điều kiện khác nhau trên toàn quốc;
- Có giải pháp chạy offline cho những nơi chưa có hoặc hạn chế về internet.

5.2.4. Dịch vụ hỗ trợ 24/7

- Tổng hợp câu hỏi của người dùng để tạo thành tập hợp những câu hỏi/ trả lời thường xuyên (Q&A);
- Theo dõi quá trình học tập, sử dụng của người dùng trên hệ thống;
- Quản lý người dùng, kết xuất thống kê, báo cáo hỗ trợ công tác quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục;
- Đội ngũ hỗ trợ, giải đáp thắc mắc, tư vấn cho người dùng GV, phụ huynh, HS.

6. KHAI THÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC TRONG TỔ CHỨC HĐTN

Trong việc khai thác thiết bị dạy học đối với hoạt động trải nghiệm để phát triển những năng lực liên quan, cần lưu ý một số yêu cầu sau:

- Coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ phát triển năng lực của HS nhưng cần phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ và thực sự có hiệu quả; cần tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng đối với người học, làm giảm hiệu quả của quá trình khám phá, trải nghiệm.
- Tạo điều kiện để HS thực sự thực hành, thao tác trực tiếp với thiết bị dạy học để HS được thực sự trải nghiệm và phát triển năng lực trong HĐTN.
- Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học vì chúng không chỉ giúp việc học trở nên trực quan, hứng thú, tích cực hơn, mà còn giúp GV tiết kiệm thời gian. Nhưng đồng thời cũng cần chú ý coi trọng và kết hợp với việc sử dụng các phương

tiện truyền thống, phương tiện trực quan thao tác được (những phương tiện có thể trực tiếp cầm, nắm, sắp xếp, dịch chuyển).

– Đối với HĐTN, cần đặc biệt tăng cường thiết bị dạy học tự làm (ví dụ: bức chân dung, hộp đựng bút, cây xanh,...). Rất cần khuyến khích, động viên và phát triển các thiết bị dạy học tự làm phù hợp với nội dung chủ đề/bài học và các đối tượng HS. Khi được tự làm như thế, HS được vận động, rèn luyện năng lực tự phục vụ, phẩm chất chăm chỉ, tự giác, kỹ năng giao tiếp, hợp tác trong quá trình hình thành ý tưởng và thiết kế các phương tiện, thiết bị. Hoạt động tự làm thiết bị của GV và HS góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.

7. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HĐTN THEO THÔNG TƯ 3866/BGDĐT-GDTH

– Thời lượng giáo dục và phân chia số tiết cho các hoạt động

HĐTN có thời lượng 105 tiết/năm học được phân phối cho các hoạt động như sau:

+ Sinh hoạt dưới cờ: 35 tiết, mỗi tuần 1 tiết.

+ Sinh hoạt lớp: 35 tiết, mỗi tuần 1 tiết.

+ Hoạt động theo chủ đề: 35 tiết, phân đều mỗi tuần 1 tiết hoặc cũng có thể linh động phân tiết theo cách khác (ví dụ có thể tập trung 2 tiết/tuần, 2 tuần/tháng) sao cho phù hợp với điều kiện hoặc nhu cầu của trường, lớp. Ngoài ra, còn có các hoạt động định kì (theo học kì, năm học) như thực địa, dã ngoại,...; các hoạt động này có thể được tích hợp trong hoạt động theo chủ đề. Cũng cần chú ý rằng thời lượng 35 tiết của phần nội dung này cần phải được chia sẻ cho các hoạt động khác như câu lạc bộ, hội trại,... nếu nhà trường có tổ chức những hoạt động như thế.

– Các hoạt động mở rộng

Với chủ trương cấp Tiểu học thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, nhà trường có thể chủ động tăng thêm HĐTN theo kiểu hoạt động mở rộng ngoài giờ lên lớp. Khi đó, nhóm các hoạt động câu lạc bộ, hội trại,... có thể được đưa vào mục các hoạt động ngoài giờ này; cũng có thể tổ chức thêm một số hoạt động mở

rộng (được gợi ý trong sách HĐTN dành cho giáo viên) để tăng thêm độ sâu cho Hoạt động theo chủ đề.

Hoạt động STEM/STEAM với đặc thù của chúng cũng được xem là một kiểu HĐTN và có thể tích hợp trong hoạt động theo chủ đề. Sách dành cho giáo viên đã có những ghi chú về khả năng tích hợp STEM/STEAM trong một số chủ đề. Việc khai thác các hoạt động mở rộng (STEM/STEAM,...) như thế này rất thích hợp cho trường hợp dạy học 2 buổi/tuần, rất cần được khích lệ vì chúng góp phần tích cực trong việc giúp HS phát triển năng lực và tạo hứng khởi học tập như các nghiên cứu đã chỉ ra.

Một điểm khác cần lưu ý là nội dung giáo dục địa phương trong HĐTN. Phần giáo dục địa phương có thể được lồng ghép vào cả ba loại hình hoạt động: sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp và hoạt động theo chủ đề.

PHẦN HAI

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG

1. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT BÀI HỌC TRONG CHỦ ĐỀ

** Tuần 3, chủ đề 1: Bức chân dung đáng yêu của em*



Khởi động: Hai bức chân dung có gì giống nhau và khác nhau?

(Hoạt động khởi động nhằm giúp thu hút sự quan tâm của HS vào bài học, khai thác những điều em đã học, đã biết trước đây, giới thiệu bài mới và tạo hứng khởi cho HS đối với nội dung mới. Bởi thế, GV cần linh hoạt để tạo được sự hấp dẫn lôi cuốn HS trong bước khởi động này.)

– GV có thể linh động lựa chọn hoạt động đa dạng cho bước khởi động này.

Ví dụ: GV đố “1 phút 3 điều”, HS (nhóm) quan sát hai bức chân dung và trong 1 phút mỗi nhóm cần kể ra được ít nhất ba nét khác nhau của người bạn trong hai bức chân dung... Tiếp theo là 1 phút nêu được ba điều giống/khác nhau về khung của hai bức chân dung (vật liệu, hình dáng, màu sắc,...).

– Sau đó GV cần giới thiệu cho HS biết hôm nay em sẽ được làm bức chân dung của em...



Khám phá:

Em cần những gì để làm một bức chân dung?

(Hoạt động khám phá giúp HS qua những kinh nghiệm cụ thể, quan sát, đặt câu hỏi, kiểm tra,... thảo luận để thu thập thông tin về những điều/đối tượng HS cần tìm hiểu.)

+ Hoạt động chuẩn bị ở bước 1 dễ dàng giúp HS đi vào khám phá về bức chân dung em sẽ làm cho chính em: Bức chân dung có những gì, em cần chuẩn bị những gì. HS được tập để tự chọn và quyết định.

+ Câu hỏi này còn gợi ý giúp HS suy nghĩ và chọn màu sắc, kiểu đường viền. GV cũng có thể hỏi thêm để gợi ý HS về hình dạng của khung, ví dụ: Em muốn khung có hình dạng như thế nào? (Nếu cần có thể nêu rõ hình dạng hình vuông hay hình chữ nhật để HS chọn).

+ Để giúp HS ý thức về những điều tốt cần thực hiện khi làm bức chân dung, GV cần đặt câu hỏi và mời HS chọn, ví dụ: “Em cần thực hiện những điều gì khi làm bức chân dung?”. GV có thể đưa sẵn những ý cho HS chọn (giữ trật tự, dọn dẹp ngăn nắp, tập trung làm việc, cố gắng vượt khó, tôn trọng đồ dùng/sản phẩm của bạn,...).



Luyện tập: Làm bức chân dung của em.

(Các hoạt động của bước này nhằm giúp HS tập thực hành điều mình vừa khám phá, qua đó HS làm rõ/nắm vững và làm tốt hơn điều cần thực hiện)

+ Riêng trong hoạt động thủ công này, GV cần hướng dẫn HS thực hiện theo các bước cụ thể.

+ Nếu có điều kiện về thời gian, vật liệu,... GV có thể gợi ý thêm về các loại khung khác nhau: que kem, dây dù,...



Mở rộng:

a. Triển lãm *Bức chân dung của em*.

b. Em học được ở bạn điều gì?

(Hoạt động Mở rộng nhằm thử nghiệm, vận dụng vào thực tế; hoặc tìm hiểu sâu hơn, tiếp cận vấn đề mở rộng hơn)

– HS gắn (đặt) bức chân dung của mình vào vị trí trưng bày.

– GV có thể mở nhạc nhẹ nhàng trong vài phút tạo bầu không khí cho HS khi các em di chuyển để quan sát chân dung của em và các bạn.

– Sau đó GV có thể đặt câu hỏi như: Ngắm nhìn bức chân dung của bạn, em học được ở bạn điều gì? Có thể cho HS chia sẻ trong nhóm. Nếu cần, GV có thể nêu một vài nhận xét riêng để gợi ý cho HS, nhận xét này nên theo tinh thần của nếp nghĩ phát triển. Ví dụ: Riêng cô (thầy) **học** được ở bạn... (sự cố gắng và cẩn thận khi làm khung viền,...).



Đánh giá: Đối với bài này, nếu được, GV rất nên có phiếu cho HS đánh giá quá trình, ví dụ bảng sau:

Công việc	Cần cố gắng 	Đạt 	Tốt 
Vẽ (cắt dán) và trang trí các hình cho bức chân dung của em			
Cẩn thận làm và trang trí khung			
Tôn trọng đồ dùng/sản phẩm của bạn			
Dọn dẹp, sắp xếp ngăn nắp sau khi làm			

* **Hoạt động nâng cao:** Nếu có thời gian và điều kiện, GV có thể tích hợp hoạt động STEAM trong bài học này.

Ví dụ:

- + S (Khoa học): về màu sắc, ánh sáng (gồm các màu...), trộn màu,...
- + T (Công nghệ): HS tìm hiểu về vật liệu, dụng cụ và cách sử dụng dụng cụ,...
- + E (Kỹ thuật): đo đạc, kẻ, cắt,...
- + A (Nghệ thuật): tô màu, mỹ thuật,...
- + M (Toán): hình học, đo chiều dài,...

2. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC SINH HOẠT LỚP

2.1. Sinh hoạt khởi động

2.1.1. Trò chơi

– HS Tiểu học nói chung, HS lớp 1 nói riêng đang ở độ tuổi thích thú với các trò chơi. GV tìm hiểu, chuẩn bị kỹ thì có thể tổ chức được những trò chơi thú vị cho HS.

– Trong sinh hoạt trò chơi, GV cần tập luyện cho HS làm quản trò. Cho HS tập luyện từng bước nhỏ; khích lệ em cố gắng; đón nhận và động viên em khi thất bại; giúp em nhìn thất bại có thể là cơ hội tốt. GV cần xoay vòng để mỗi HS được tập làm. HS sẽ trở nên tự tin hơn, phát triển thêm kỹ năng trình bày trước đám đông.

2.1.2. Hoạt động sinh hoạt vui khác

– Hát là một hoạt động thích hợp cho HS lớp 1, có thể thêm cử chỉ điệu bộ, nếu có. Sử dụng bộ gõ cơ thể (từ môn Âm nhạc lớp 1) là một phương pháp tích cực và rất nên khai thác.

– Đố vui các nội dung liên quan đến những điều mà GV mong muốn dạy cho HS trong hoạt động của lớp.

– Kể chuyện, sắm vai tình huống (về nội dung có liên quan đến lớp, sinh hoạt của lớp hoặc phẩm chất cần cho lớp,...).

2.2. Tổ chức sinh hoạt lớp

Tổ chức sinh hoạt lớp nhằm giúp HS, tập thể lớp tổng kết hoạt động, nhận ra những hành vi thích hợp/không thích hợp và thay đổi để trở nên tốt hơn. Thực tế cho thấy, không ít GV thường đóng vai trò “trung tâm” trong hoạt động này: GV gần như một mình nhận xét, đánh giá đúng sai; kỉ luật, uốn nắn; đưa ra các quy định theo kiểu mệnh lệnh từ trên áp xuống,...; có khi la mắng, phê bình nặng lời. Những cách này hoàn toàn ngược với lối tiếp cận “học sinh là trung tâm”. Sinh hoạt lớp là một cơ hội rất tốt để giúp HS trở thành “chủ thể của nhận thức và hành vi”, giúp em cảm nhận được lớp học là môi trường thân thương, các em có ý thức, trách nhiệm với lớp học này. GV cần giúp HS tự đưa ra quy tắc và hệ quả nếu vi phạm. GV tập cho HS tự nhìn lại, đánh giá hoạt động của mình và của lớp trong tuần qua, chọn hành vi thích hợp và cam kết thực hiện.

Dựa theo mô hình lí thuyết chọn lựa của Glasser, GV có thể dùng khung bốn câu hỏi cơ bản sau đây để xây dựng lớp học tích cực, giải quyết các tình huống sư phạm chung cho lớp cũng như cá nhân HS:

(1) Em (chúng ta) mong muốn lớp của mình là lớp học (tốt đẹp) như thế nào?

– Nếu là tiết đầu của năm học, GV tổ chức cho HS thảo luận, cho ý kiến về điều này. GV có thể tham khảo các hoạt động trong chủ đề *Trường lớp thân yêu*.

Nếu có thể, GV cùng HS chọn ra một số điều được nhiều HS chọn, viết ra, trang trí và treo trong lớp.

Đây có thể được xem như “nội quy/quy định” của lớp. Đối với lớp 1, đầu năm học, quy định nên dừng ở khoảng bốn ý cơ bản. GV và HS có thể bổ sung thêm sau.

– Trong những tuần đầu của năm học, GV có thể cho HS đặt tên cho lớp của em (Em hãy đặt một tên thật hay, độc đáo cho lớp để nhắc nhở lớp mình học thật tốt, thật đáng yêu), sau đó chọn ra một tên lớp. Phân công để HS trang trí tên lớp và gắn ở nơi dễ thấy (như cửa ra vào của lớp).

– Lớp cũng có thể đưa ra và chọn biểu tượng tích cực (giúp lớp vui và học tốt), câu khẩu hiệu (để diễn tả những điều tốt đẹp em mong muốn cho lớp của mình), vẽ, trang trí,...

– Nếu đang trong quá trình của năm học thì chỉ mời HS nhắc lại những gì đã mong muốn, hoặc bổ sung thêm mong muốn cần thiết.

(2) Tuần vừa qua, chúng ta (mỗi nhóm, mỗi em) đã làm gì [...]?

Câu hỏi này giúp HS tập nhìn lại hoạt động đã qua, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu. Nếu có thể, cần có những gợi ý cụ thể hơn. Thêm vào trong ngoặc vuông [...], ví dụ: trong môn học Tiếng Việt, trong giờ ăn, ngủ trưa, trong giờ ra chơi,...

(3) Những gì em (chúng ta) đã làm có giúp em (chúng ta) đạt được mong muốn của em (chúng ta) [đã nói trong (1)] không?

GV cho HS suy nghĩ, thảo luận và đưa ra câu trả lời có/không. Ở đây đang xem xét những hành vi tiêu cực nên câu trả lời sẽ là không. GV chú ý không trả lời thay cho HS. Nhưng GV cần giúp HS tự nhìn ra và tự trả lời, vì em cần là “trung tâm” (là chủ thể của nhận thức).

(4) Em (nhóm, chúng ta) cần làm gì để có được lớp học như em (lớp) mong muốn?

– GV để HS cùng đề ra hành động và cam kết, không nên dừng ở lời nói. GV cần giúp HS viết ra (hoặc GV viết ra và HS đánh dấu), sau đó các HS ấn dấu tay,... lên tờ cam kết, cùng bắt tay quyết tâm thực hiện. Có thể kết thúc

bằng bài hát (có nội dung liên quan) và bộ gõ cơ thể. Nên cho HS trang trí tờ cam kết và treo trong lớp.

– Đưa ra hệ quả (nếu GV thấy cần): Nếu có bạn (nhóm) không thực hiện cam kết thì bạn (nhóm) đó cần phải làm gì? Trong nguyên tắc tổ chức lớp học tích cực, GV cần cùng HS đưa ra và thống nhất các hệ quả nếu vi phạm những quy tắc của lớp. HS mới vào lớp 1 chưa viết được thì GV cần hỗ trợ: GV giúp HS đưa ý kiến thích hợp, GV cũng là thành viên để cho ý kiến, là thư kí để đúc kết các ý kiến của HS và viết ra hệ quả. Khi HS (nhóm) vi phạm thì cần nghiêm chỉnh thực hiện (chỉ một lần GV bỏ qua việc thực hiện hệ quả thì HS sẽ thấy GV không nghiêm minh và HS sẽ tiếp tục vi phạm). Các hệ quả cần thực tế, phù hợp với HS lớp 1, phù hợp với các quy định chung của trường và các cấp quản lí.

Các bước trên có thể cho làm theo nhóm, rồi tới lớp. GV cũng có thể dùng bốn câu hỏi cơ bản ở trên để giúp cá nhân vi phạm nhiều lần.

Nếu nhóm (lớp) đã làm tốt thì hãy cùng “ăn mừng” với nhau (xem mục dưới). Và đưa thêm điều mới để thực hiện, nếu thấy cần.

2.3. Các sinh hoạt khác

2.3.1. Khích lệ thành quả (cá nhân, nhóm, lớp)

– Giới thiệu thành quả,...

– Nếu lớp gặt hái kết quả tích cực thì có thể “ăn mừng” bằng bánh kẹo, trái cây, nước uống,... (Đây là cách “thưởng” rất ý nghĩa).

Nếu nhóm (lớp) gặp thất bại, làm sai,... GV hãy giúp HS đón nhận và tiếp tục cố gắng vươn lên bằng cách sử dụng nếp nghĩ phát triển một cách linh hoạt và phù hợp.

Sử dụng các bước trong mục *Tổ chức sinh hoạt lớp* để giúp nhóm (lớp) tự nhìn ra những gì cần thay đổi... và làm tốt hơn.

2.3.2. Mừng sinh nhật

HS (và PH) cũng thường mong muốn mừng sinh nhật chung với lớp, đặc biệt là các trường ở thành phố. Nếu lớp đông, GV có thể cho tổ chức mừng

theo nhóm cùng sinh trong tháng hoặc cho tổ chức ngoài giờ nếu học hai buổi. Như thế sẽ không ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động giáo dục cần thiết khác.

GV có thể giúp HS có được buổi sinh nhật đơn giản nhưng ý nghĩa. Ví dụ: các bạn viết vào một tấm thiệp đơn giản (tờ giấy bìa gấp đôi kèm một hình vẽ (dán,...) do GV tự làm) lời chúc ngắn và nêu một đức tính của bạn và tặng bạn kèm bài hát chúc mừng.

2.3.3. Hoạt động theo chủ đề

Xem mục 2.2.2. *Một số chủ đề và bài học đặc trưng*, trong đó có giới thiệu một số hoạt động sinh hoạt lớp đặc trưng.

2.3.4. Thông tin tuần tới

2.3.5. Lên kế hoạch cho tuần tới

GV và HS cùng làm, chia công tác nếu cần.

(Hai nội dung này tùy thuộc hoạt động của nhà trường, lớp)

3. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC SINH HOẠT DƯỚI CỜ

3.1. Một số đề nghị

Đề giờ sinh hoạt dưới cờ trở nên hấp dẫn, có tác động tích cực, đi vào được trái tim của HS, tạo dấu ấn tốt và hứng khởi, nhà trường có thể tổ chức theo định hướng được đề nghị dưới đây:

– Nhà trường mạnh dạn giao việc những công việc cụ thể cho từng bộ phận phụ trách (GV chủ nhiệm, Đội Thiếu niên, Sao Nhi đồng) để tránh phải thông báo ôm đồm nhiều nội dung, dài dòng gây nhàm chán.

– Các thông báo cần ngắn gọn, súc tích, dễ tiếp nhận đối với HS Tiểu học, đặc biệt là HS lớp 1. Những gì cần phát động, kêu gọi, tuyên truyền,... nên được chuyển tải theo những cách sinh động.

– Vận dụng những phương pháp tích cực, linh hoạt, sáng tạo để giới thiệu các nội dung giáo dục, những lời khuyên bảo, nhắc nhở,... Như thế HS dễ dàng đón nhận và có hứng thú thực hành.

– Cách tiếp cận “người học là trung tâm” cần được vận dụng, phát huy trong sinh hoạt dưới cờ. Cần mạnh dạn để HS được là “chủ thể của nhận thức”, tức là HS tham gia một cách chủ động vào các hoạt động giáo dục: diễn kịch, hát

múa, vẽ tranh, kể chuyện, giới thiệu sản phẩm,... để khai thác tối đa tiềm lực của HS. Trong những hoạt động phù hợp, nhà trường có thể để HS tập thực hành làm người dẫn chương trình một số phần trong nội dung chương trình sau nghi thức chào cờ.

Người dẫn chương trình nên được chọn xoay vòng để tạo cơ hội cho nhiều HS. GV hay người phụ trách lưu ý tập luyện, rút kinh nghiệm cho HS.

– Để có thêm thời gian cho các hoạt động giáo dục một cách tích cực, chỉ dành một phần nhỏ thời gian cho nhận xét chung, đánh giá phong trào, thông báo về hoạt động giáo dục; việc đánh giá, khen thưởng nên được thực hiện mỗi tháng một lần.

– Mạnh dạn từ bỏ những kiểu tạo áp lực thành tích (khen thưởng theo kiểu khen thông minh/tài giỏi; cá nhân/tập thể thất bại, HS học yếu,... thì bị xem thường, bị phê phán/chê bai nặng lời kiểu la rầy). Thay vào đó, dựa trên các nghiên cứu đã minh chứng, GV và nhà trường hãy nhìn và giúp HS nhìn thất bại như cơ hội giá trị, đề cao sự nỗ lực, khen dựa trên nếp nghĩ phát triển.

3.2. Nội dung và hình thức tổ chức buổi sinh hoạt dưới cờ

3.2.1. Ổn định (3 phút)

- HS tập hợp và ổn định.
- Nếu cần, người phụ trách (Tổng phụ trách, cán bộ Liên đội, GV cùng lớp trực tuần,...) có thể tổ chức hoạt động phá băng (làm nóng) ngắn gọn và nhẹ nhàng bằng một trò chơi nhỏ.

3.2.2. Nghi lễ (5 phút)

- Chào cờ
- Hát *Quốc ca*

3.2.3. Làm nóng và dẫn nhập vào sinh hoạt sau chào cờ (5 phút)

Tạo bầu không khí vui tươi, hứng thú cho HS:

- Người phụ trách tổ chức một vài trò chơi nhỏ để tạo hứng khởi (tham khảo Phụ lục).

– Cũng có thể tổ chức tiết mục văn nghệ ngắn (hát múa, hoạt cảnh, hóa trang,...) có liên quan đến nội dung của chủ điểm, phong trào (đang hoặc sẽ thực hiện).

3.2.4. Đánh giá hoạt động và thông báo mới (5 – 10 phút)

- Đại diện nhà trường sơ kết ngắn gọn các hoạt động tuần vừa qua.
- Giới thiệu, trưng bày sản phẩm, “công trình” từ các dự án, phong trào,...
- Nhận xét, tuyên dương lớp, hoặc cá nhân, nêu gương người tốt, việc tốt,...
- Thông báo, phát động phong trào tuần tiếp theo.

3.2.5. Sinh hoạt giáo dục theo chủ đề, chủ điểm (15 phút)

Xem mục 2.2.2. *Một số chủ đề và bài học đặc trưng* với một số gợi ý về sinh hoạt theo chủ đề.

Ngoài ra, một số loại hình, nội dung sinh hoạt có thể được tổ chức:

– Sinh hoạt chủ điểm trọng tâm tháng (các ngày lễ lớn, lễ kỉ niệm, sự các sự kiện lớn,...):

+ Sân khấu hoá (hát múa, tiểu phẩm kịch, hoạt cảnh, hóa trang, sắm vai tình huống, kể chuyện,...);

+ Trò chơi (lồng ghép ý nghĩa), băng reo;

+ Đọc sách (văn hoá đọc, liên quan đến chủ điểm); thi “Rung chuông vàng” đề thi tìm hiểu về chủ điểm;

+ Trưng bày và giới thiệu tranh ảnh, sản phẩm (làm từ vật liệu đơn giản, dễ tìm, tái chế) về quê hương, biển đảo;...

– Sinh hoạt chủ đề giúp phát huy phẩm chất tốt đẹp (yêu thương, tôn trọng, trung thực, lòng biết ơn,...), các kĩ năng:

+ Sân khấu hoá (tiểu phẩm, hoạt cảnh, múa hát,...) do HS thực hiện về chủ đề;

+ Kể chuyện;

+ Băng reo (trò chơi ngắn) lồng ghép ý nghĩa về phẩm chất;...

Như vậy, HS sẽ tham gia một cách nhiệt tình và tích cực vào các hoạt động giáo dục, tuyên truyền thay vì những bài giảng đạo đức khuôn sáo mà GV phải chuẩn bị. Nếu cần, GV chỉ đúc kết thật ngắn gọn.

- Sinh hoạt chuyên đề về danh nhân địa phương, đất nước, thế giới, truyền thống quê hương, dân tộc: tiểu phẩm, văn nghệ, trưng bày sản phẩm sưu tập của lớp, kể chuyện (theo sự chuẩn bị các khối lớp, kết hợp giáo dục lịch sử địa phương).

- Hoạt động thuyết minh, giới thiệu văn hoá, lễ hội, sản phẩm đặc biệt,... của địa phương, vùng miền, đất nước,... HS sử dụng những sản phẩm của các em từ các hoạt động trong lớp (các hoạt động theo chủ đề hoặc dự án) để trưng bày, thuyết trình, giới thiệu. Có thể có phần sân khấu hoá (hoá trang, biểu diễn âm nhạc, nghệ thuật địa phương,...) nếu có liên quan đến văn hoá, lễ hội; thi đố vui những kiến thức về địa phương.

- Hoạt động phong trào, câu lạc bộ: tổ chức các phong trào hoặc cuộc thi vui (không nhằm thắng – thua) với những tên gọi hấp dẫn, dí dỏm,...; các hoạt động câu lạc bộ; mỗi tuần mời một số nhóm (lớp) thể hiện.

- Hoạt động Sao Nhi đồng: Lồng ghép một vài sinh hoạt Sao Nhi đồng theo nội dung của chủ đề hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh của năm học. Có thể cho HS chọn hình thức sân khấu hoá đơn giản như múa hát theo chủ đề của Đội. Dùng băng reo (trò chơi ngắn) lồng ghép ý nghĩa của chủ đề mà Sao Nhi đồng quan tâm...

Chú ý: Mỗi năm học, Đội TNTP HCM có chủ đề hoạt động năm học khác nhau nên có các hoạt động khác nhau theo từng chủ điểm cho Sao Nhi đồng. Vì thế, cần kết hợp với Tổng phụ trách Đội để có nội dung sinh hoạt Sao Nhi đồng phù hợp với chủ đề năm học cũng như chủ điểm sinh hoạt theo kế hoạch của Đội TNTP Hồ Chí Minh ở mỗi trường.

- Huấn luyện một số kĩ năng chung (chú ý cách tổ chức phù hợp với cả lớp lớn và lớp nhỏ): phòng chống xâm hại, an toàn giao thông, vệ sinh răng miệng, phòng cháy chữa cháy,... Có thể mời chuyên gia, các nhóm, các tổ chức uy tín tham gia tư vấn, nói chuyện với HS về các nội dung này...

– Trò chuyện với chuyên gia: mời chuyên gia (chuyên gia giáo dục, tâm lý, người nổi tiếng, tấm gương vượt khó,...) tổ chức hoạt động về một số đề tài cần thiết cho HS như: công ơn cha mẹ, giải quyết mâu thuẫn, nỗ lực để thành công, kĩ năng tự học, phòng chống bạo lực,... Các chuyên gia này cần có kĩ năng sư phạm cần thiết để hiểu tâm lý của trẻ, có cách trình bày hấp dẫn, có cách tổ chức hoạt động thú vị cho HS thay vì chỉ diễn giảng.

3.2.6. Tổng kết (1 – 2 phút)

Đại diện nhà trường đúc kết thật ngắn gọn một số nội dung chính và khuyến khích tinh thần nỗ lực cố gắng của HS toàn trường.

4. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC SINH HOẠT DÃ NGOẠI

Hoạt động dã ngoại là kiểu tổ chức HĐTN theo phương thức khám phá (tham quan, cắm trại, thực địa,...) và thường có thể kèm với phương thức nghiên cứu (khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, sáng tạo công nghệ,...) hoặc, phương thức thể nghiệm, tương tác (giao lưu, tác nghiệp, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi,...).

– Tổ chức hoạt động dã ngoại

HS lớp 1 chưa thể đọc viết thông thạo, năng lực nhận thức và vận động còn đang ở bước đầu phát triển. Nhưng không vì thế mà HS lớp 1 ở thể thụ động trong hoạt động dã ngoại. HS cần được tập tham gia một cách chủ động, và vẫn giữ vị trí “HS là trung tâm” trong hoạt động giáo dục dã ngoại. HS cần được thực hiện vai trò của mình trong các bước: (1) chuẩn bị trước khi đi, (2) trong khi dã ngoại, và (3) sau khi kết thúc.

Sau đây là gợi ý các bước tổ chức hoạt động dã ngoại:

Các bước	Nội dung
Chuẩn bị trước dã ngoại	- <i>Giới thiệu hoạt động dã ngoại</i> Nếu có thể, GV có thể dùng thêm video, hình ảnh,... để giới thiệu qua, đồng thời đặt câu hỏi gợi ý cho HS: Đi đâu? Làm gì? (Đoán rồi tìm hiểu xem) Nơi đó có những gì? Có thể có những điều hấp dẫn gì?... Ví dụ: Nếu đi Thảo cầm viên thì có thể cho mỗi nhóm nêu những con vật có thể có trong đó; có phiếu chia sẵn nhóm loài để HS liệt kê theo loài (bò sát, chim, ăn thịt, ăn cỏ,...). - <i>Giới thiệu mục đích của hoạt động bằng những gợi ý.</i> Ví dụ: Em mong muốn những điều tốt đẹp gì từ buổi dã ngoại? Thầy (cô) mong muốn những điều tốt đẹp gì? Trường lớp mình mong muốn những điều tốt đẹp gì? Em sẽ làm những gì, cần làm những gì? Những việc làm đó có thể đem lại những điều tốt đẹp cho em, người khác, trường lớp,...? Tại sao? (Hoặc: Những việc làm này giúp em có được những điều gì? Có được những điều tốt đẹp không? Tại sao?) Em nghĩ sẽ vui như thế nào (như cầu niềm vui cần được xem như một mục tiêu)? Làm cách nào để tạo thêm niềm vui cho em, các bạn, và lớp?... - <i>Em cần chuẩn bị những gì để có được hoạt động dã ngoại thật tốt đẹp, vui,...?</i> + Cần đồ dùng cá nhân gì? Tại sao? + Dụng cụ, vật liệu gì? Tại sao? + Cần gì để bảo đảm an toàn/vệ sinh/bảo vệ bản thân? Tại sao? + Cần làm gì khi gặp người lạ (chủ đề <i>Em và những người xung quanh</i>)? + Cần để ý những phẩm chất gì? Tại sao? GV có thể liệt kê một vài ý để chọn và HS đề nghị thêm: Ham học hỏi, tại sao? Có cần kiên trì nỗ lực không, tại sao? Tôn trọng người khác? ... + Cần để ý văn hoá ứng xử gì nơi công cộng (trên xe, trên đường phố,...) và văn hoá ứng xử với nhau? + Số điện thoại, địa chỉ cần nhớ là gì? (Thực tập đọc trong nhóm (lớp),...). (Nếu cần, có thể cho HS sắm vai để thực hành một số nội dung) - <i>Chia nhóm, phân công tác (nếu có).</i> + HS cần có thời gian để luyện tập hoạt động nhóm với nhau nếu là nhóm mới. + Dấu hiệu/Biểu tượng để nhận cho từng nhóm (lớp,...) + Phân công, nhiệm vụ, bầu nhóm trưởng, phó,... Cần có những phiếu học tập để giúp HS thực hiện bước chuẩn bị một cách chu đáo. HS chuẩn bị càng tốt thì khả năng thành công càng cao. "Thất bại trong chuẩn bị là chuẩn bị cho thất bại".

Trong khi hoạt động dã ngoại	- Tập trung, hàng ngũ,... - Trên đường đi (trên xe hoặc đi bộ - nếu có) cần có những hoạt động để giúp HS “tập trung” và thực hành ngay một số điều có liên quan đến chủ đề của buổi dã ngoại. Ví dụ: Chủ đề liên quan đến bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên. + Có thể yêu cầu HS quan sát và đếm xem có bao nhiêu loại cây này, loại cây kia (cần phiếu để HS viết kết quả); cho HS quan sát dấu đường (cho HS làm quen trước với một vài loại dấu đường rất đơn giản và sử dụng loại HS đã học biết để đánh dấu đường), dùng dấu đường bằng cành cây khô (có gắn thêm màu để HS nhỏ dễ quan sát)... + Trên xe, cho các nhóm HS thi theo nhóm để gọi tên loại cây, loại động vật,... - HS cần chuẩn bị sẵn phiếu học tập để tự ghi nhận (đánh dấu, viết số, chữ đơn giản, tô màu, vẽ,...) những gì em quan sát, làm được (theo yêu cầu, theo sự phân công,...). - Cần có nội dung tự đánh giá (trong phiếu học tập) về thái độ ứng xử... trong quá trình thực hiện. Đây có thể được xem là một loại phiếu tự đánh giá... - Trên đường về (nếu có) cũng có thể cho HS một vài hoạt động đơn giản (trò chơi quan sát tính điểm...) để giúp HS “tập trung” hơn cho công việc của em đến phút cuối của buổi dã ngoại.
Sau chuyến dã ngoại	GV tổ chức cho HS đánh giá/tự đánh giá (gồm cả đánh giá đồng đẳng) + Kể về điều em yêu thích nhất trong chuyến dã ngoại, vì sao? + Em cảm thấy thế nào? Hoạt động nào em thích nhất? + Vẽ lại điều/cảnh em yêu thích nhất + Tự đánh giá (tốt, đạt, chưa đạt) em làm được gì, như thế nào? + Em học được những điều tích cực gì? + Tổ chức cho HS trưng bày, giới thiệu thành quả trong SHDC, SHL + Bầu chọn nhân vật tích cực nhất. + HS viết thư (thiệp), vẽ hình để cảm ơn nơi HS đã đến dã ngoại,...

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN TỔ CHỨC HĐTN

1.1. Kết cấu sách giáo viên

Sách GV có kết cấu nội dung như sau:

Phần một: Những vấn đề chung về HĐTN

Giới thiệu một số nội dung có tính định hướng từ chương trình phổ thông mới 2018; các mô hình, lí thuyết nền tảng cho bộ sách HĐTN này và cho việc tổ chức HĐTN.

Phần hai: HĐTN theo chủ đề

Trình bày các chủ đề lớp 1 một cách chi tiết và kĩ lưỡng với nhiều hoạt động mở rộng để GV tham khảo sử dụng trong những hoàn cảnh khác nhau. Có đầy đủ các nguồn trích dẫn để minh chứng tính khoa học và để GV tra cứu khi cần. Ngoài đó ra còn có đường dẫn (địa chỉ liên kết) các nguồn video clip, hình ảnh... để GV có thể dễ dàng sử dụng tìm kiếm thông tin khi soạn bài.

Chủ đề 1. Em và những người bạn

Chủ đề 2. Một ngày của em

Chủ đề 3. Trường lớp thân yêu

Chủ đề 4. Em tự chăm sóc và phục vụ bản thân

Chủ đề 5. Gia đình yêu thương

Chủ đề 6. Cảm xúc của em

Chủ đề 7. Em và những người xung quanh

Chủ đề 8. Quê hương của em

Phần ba: HĐTN trong sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt dã ngoại và sinh hoạt câu lạc bộ

Trình bày chi tiết và rõ ràng các hướng dẫn tổ chức sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt dã ngoại và sinh hoạt câu lạc bộ.

Phụ lục

Tài liệu tham khảo

1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

Để sử dụng sách GV đạt hiệu quả cao nhất, xin có một số đề nghị:

* Rất cần nắm vững và vận dụng các quan điểm nền tảng có tính triết lí được trình bày trong sách GV (cách tiếp cận “người học là chủ thể”, lí thuyết chọn lựa vận dụng vào tổ chức lớp học, nếp nghĩ phát triển và vận dụng nó vào trong tổ chức hoạt động giáo dục,...). Các nội dung này được trình bày tập trung trong phần 1, phần 2 (mục sinh hoạt lớp), và trong một số bài viết thuộc nhóm đầu của phụ lục. Các nghiên cứu khác nhau và thực tế cho thấy việc hiểu và vận dụng các nội dung này là điều kiện tiên quyết cho hiệu quả cao nhất.

* Mỗi chủ đề có những gợi ý để GV chuẩn bị trước. Việc chuẩn bị này cũng góp phần tích cực tạo nên hiệu quả và thành công.

* Các chủ đề đã được trình bày cụ thể và đa dạng về các hoạt động. Các thầy cô đọc qua một lần thì đã có thể tổ chức ngay hoạt động trải nghiệm vừa xem. Tuy nhiên, việc đọc kĩ, có ngẫm nghĩ và chuẩn bị sẽ cho kết quả tốt đẹp hơn nhiều.

2. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ, SÁCH THAM KHẢO

2.1. Cấu trúc sách bổ trợ

HĐTN có sách bổ trợ dạng sách bài tập (SBT), cũng gồm 8 chủ đề và số bài trong mỗi chủ đề như sách HS:

STT	Tên chủ đề	Số bài
1	Em và những người bạn	4
2	Một ngày của em	4
3	Trường lớp thân yêu	4
4	Em tự chăm sóc và phục vụ bản thân	4
5	Gia đình yêu thương	4
6	Cảm xúc của em	4
7	Em và những người xung quanh	4
8	Quê hương của em	7

Nhưng trong mỗi bài học của SBT thường có khác biệt so với sách HS. Bởi SBT nhằm cung cấp chủ yếu các phiếu học tập cho một số phần bài học của sách giáo khoa để HS lớp 1 có thể trực tiếp làm bài trên đó; ngoài ra còn có thể có bài thực hành của một số hoạt động mở rộng, nâng cao.

2.2. Phân tích, hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ

Các bài tập, phiếu học tập trong SBT được quy chiếu theo chủ đề, bài học và mục Khởi động, Khám phá, Luyện tập, Mở rộng hay Đánh giá để HS, GV dễ dàng theo dõi và sử dụng phiếu cho những phần thực hành cần đến nó.

SBT cần cho HS các lớp nhỏ vì khả năng viết của các em chưa đủ nhanh, vững nên tiết học sẽ không hiệu quả khi các em mất quá nhiều thời gian để viết.

3. HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG VÀO HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

3.1. Một vài hoạt động giáo dục địa phương đặc trưng cho lớp 1

Đối với HĐTN lớp 1, các hoạt động liên quan giáo dục địa phương tập trung chủ yếu vào mạch nội dung “Hoạt động hướng đến tự nhiên” với hai hoạt động: 1) Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; 2) Hoạt

động tìm hiểu và bảo vệ môi trường. Cũng có thể khai thác giáo dục địa phương trong “Hoạt động xây dựng cộng đồng” thuộc mạch nội dung “Hướng đến xã hội”.

Như vậy, cho lớp 1 có thể có một vài hoạt động giáo dục địa phương đặc trưng sau đây:

- (1) Giới thiệu về quê hương em
- (2) Bảo vệ vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên quê hương
- (3) Giữ gìn quê hương xanh, sạch, đẹp
- (4) Tham gia một số hoạt động phong trào ở địa phương
- (5) Biết thiết lập các mối quan hệ với hàng xóm.

3.2. Tích hợp hoạt động giáo dục địa phương vào hoạt động trải nghiệm

Trong 5 hoạt động được liệt kê ở trên, 4 hoạt động đầu có thể được tích hợp vào chủ đề liên quan đến quê hương, như sách HĐTN cũng đã thực hiện việc tích hợp như thế trong chủ đề 8 – *Quê hương của em*.

Hoạt động thứ năm có thể được lồng ghép trong các hoạt động của chủ đề 7 – *Em và những người xung quanh*, trong đó có thể giới thiệu về những người bạn thuộc các dân tộc ít người...

Phụ lục

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ *NẾP NGHĨ PHÁT TRIỂN*

1. *Nếp nghĩ phát triển* cho định hướng phát triển năng lực và phẩm chất

Những nghiên cứu vừa qua của nhóm GS. Dweck, đại học Stanford, cho thấy những tác động của kiểu tư duy về năng lực cơ bản ảnh hưởng đến sự thành công, đến chính năng lực cơ bản (Dweck, 2018). Và cách giáo dục cũng tác động mạnh đến kiểu tư duy, đến sự phát triển năng lực cơ bản của HS. Bởi thế, nếu quan tâm đến phát triển phẩm chất và năng lực trong giáo dục thì cần quan tâm xem xét các nghiên cứu này và vận dụng vào các hoạt động giáo dục.

Dweck cho thấy có hai kiểu tư duy, ở đây gọi tên là *nếp nghĩ cố định* (fixed mindset) và *nếp nghĩ phát triển* (growth mindset). Người có *nếp nghĩ cố định* tin rằng năng lực cơ bản là bẩm sinh và xem như không đổi theo thời gian. Còn người mang *nếp nghĩ phát triển* thì tin rằng năng lực cơ bản hoàn toàn có thể phát triển nhờ nỗ lực, cố gắng rèn luyện/học hỏi và nỗ lực/cố gắng một cách chiến lược. Nghiên cứu chỉ ra, năng lực toán của nhóm HS có *nếp nghĩ cố định* gần như không đổi theo tháng năm, trong khi năng lực toán của nhóm HS mang *nếp nghĩ phát triển* thì tăng dần với năm tháng. Có điểm rất thú vị là cách giáo dục (ở đây là cách khen ngợi) có thể làm thay đổi *nếp nghĩ*. Xem xét năng lực liên quan đến thông minh (kiểu IQ), nhóm nghiên cứu thấy rằng việc khen ngợi nhấn mạnh đến thông minh góp phần làm thay đổi *nếp nghĩ*, làm HS có *nếp nghĩ cố định*, khi gặp thất bại thì các HS này dễ dàng bỏ cuộc, chán nản, và càng thất bại (năng lực giải quyết vấn đề đi xuống nhanh). Ngược lại, những lời khen nhấn mạnh đến nỗ lực (nỗ lực có chiến lược) giúp hình thành *nếp nghĩ phát triển* và giúp HS vượt qua được thất bại, không bỏ cuộc, cố gắng vươn lên để thành công (năng lực giải quyết vấn đề cao hơn nhóm trước).

Người có nếp nghĩ phát triển xem năng lực cơ bản tựa như cơ bắp, sẽ phát triển nếu cố gắng “luyện tập”, cố gắng có chiến lược. Gặp thất bại hay phạm sai lầm họ không bỏ cuộc mà tiếp tục vượt khó, hỏi tìm nguồn thông tin, sự hỗ trợ. Họ nhìn sai sót là cơ hội quý để học, làm tốt hơn. Đối với họ, thất bại không ngược với thành công, mà là một phần của thành công.

Hai nếp nghĩ này có thể dẫn đến hai xu hướng khác biệt nhau:

Nếp nghĩ cố định [có khuynh hướng]	Nếp nghĩ phát triển [có khuynh hướng]
▪ Đổ lỗi ▪ Nghĩ tới những gì đã làm ▪ Học để thi cử ▪ Bận thành công, tôi khó chịu, ghen tức ▪ Khen tài năng, thông minh ▪ Khi thất bại → tại tôi dở → chán nản ▪ Ngại bị thách thức ▪ Kết án người khác ▪ Ngại hỏi vì sợ bị chê dở/dốt...	▪ Nhận trách nhiệm ▪ Hướng đến cái sẽ làm ▪ Học để hiểu biết ▪ Bận thành công, tôi có thêm cảm hứng (học hỏi bạn) ▪ Khen ngợi nỗ lực, cố gắng ▪ Thất bại → tôi nỗ lực hơn ▪ Dám thách thức chính mình ▪ Hướng dẫn người khác ▪ Sẵn sàng hỏi để mở mang tri thức, học hỏi điều mới

Tại sao cần nếp nghĩ phát triển trong giáo dục nói chung và HĐTN nói riêng? HĐTN có thể có sai sót. GV cần cho HS biết các em cũng học từ sai sót; cần cố gắng vì có thể phải làm đi làm lại. Và như đã thấy, không chỉ khả năng và thông minh mới đem lại thành công cho HS, mà phần lớn do kiểu tư duy. Với kiểu tư duy đúng đắn (nếp nghĩ phát triển), GV có thể tạo động lực cho HS, giúp em vươn lên trong học tập, cũng như đạt được mục tiêu trong cuộc sống và sự nghiệp của em.

Các công trình nghiên cứu khác của Duckworth (2019) trên nhiều nhóm nghề nghiệp khác nhau cho thấy mức độ thành công tỉ lệ (tính toán một cách thô) với năng lực nhân cho nỗ lực bình phương. Như vậy, nỗ lực (ở đây cần

được hiểu là nỗ lực một cách có phương pháp, chiến lược và kiên trì) có vai trò quyết định đến thành công hơn hẳn khả năng và tài trí.

Nghiên cứu khác về “não của các tài xế taxi ở London” tiếp tục cho thấy sự chăm chỉ cố gắng, nỗ lực không chỉ giúp ta thành công hơn mà còn làm cho khả năng và trí thông minh phát triển hơn. Nghiên cứu này làm các nhà khoa học kinh ngạc về độ linh động, mềm dẻo (plasticity) của não cả ở người lớn (Maguire và cộng sự (2006); Woollett và cộng sự (2011)). Trước đây, các nhà khoa học đã không nghĩ rằng sự phát triển não có thể như thế. Điều này khiến các nhà khoa học thay đổi suy nghĩ về năng lực, và khả năng não thay đổi và phát triển. Sự nỗ lực giúp não phát triển, các khả năng liên quan (đến những vùng não phát triển) cũng phát triển theo.

2. Cách vận dụng nếp nghĩ phát triển trong dạy học HĐTN

Làm cách nào để giúp HS học tốt hơn, giúp các em có được nếp nghĩ phát triển? Giải pháp quan trọng nhất, nếu không muốn nói là quyết định, nằm ở cách ứng xử hằng ngày của GV đối với HS. Kèm với đó là giáo dục HS về nếp nghĩ phát triển.

– Ứng xử để kiến tạo nếp nghĩ phát triển:

Sau đây là 3 tình huống cơ bản để GV tìm hiểu cách ứng xử thích hợp:

Tình huống 1: HS phạm sai lầm, có thể trong thực hành (bài tập, kiểm tra) HS làm chưa được một số bài, hoạt động, bị điểm kém,... GV cần làm gì, ứng xử ra sao (để giúp HS phát triển)? Ở đây, chúng ta ưu tiên quan tâm đến cách ứng xử của GV với HS, chưa vội bàn đến giải pháp (như GV sẽ kèm riêng HS, nhờ bạn học giỏi giúp, giảng thêm cho HS vào giờ giải lao,...).

Nếu GV chọn cách la mắng, phạt, phê bình nặng lời, chê bai (bằng lời nói hay bằng vẻ mặt, thái độ), dán nhãn tiêu cực (em không thể học Toán/Tiếng Anh/... tốt)... thì GV đang ứng xử theo xu hướng của nếp nghĩ cố định, và chỉ làm cho HS bị bám chặt vào kiểu nghĩ cố định. Em sẽ tin rằng khả năng của em chỉ có như thế. Em tự ti, mặc cảm, thiếu động lực để vươn lên. Đây là chưa bàn đến vấn đề tôn trọng HS.

Cách ứng xử theo nếp nghĩ phát triển:

i) Giúp em nhìn ra sai sót,

ii) Đón nhận sai lầm của HS vì thất bại, sai sót là cơ hội quý để giúp làm tốt hơn, nỗ lực (và nỗ lực một cách có phương pháp) giúp phát triển năng lực...;

iii) Giúp chính HS đón nhận sai lầm của bản thân, nhìn ra sai sót cũng quý giá trong học tập; GV có thể dùng câu nói rất hay: “Ồ, trí não của em đang học, khi em làm sai”, để thể hiện sự đón nhận của chính GV và khích lệ em đón nhận em, đồng thời nhìn ra giá trị của sai sót.

Một số GV đã làm một việc rất độc đáo là “tặng một trái tim dễ thương” bằng cách vẽ trái tim bên cạnh chỗ làm sai của HS...

Tình huống 2: HS hỏi, có thể là câu hỏi rất căn bản (về một vấn đề dễ, rất đơn giản, rất cơ bản) hoặc có thể là câu hỏi khó, thách thức (cho cả chính GV)... GV cần làm gì, ứng xử ra sao?

Nếu GV tỏ ra khó chịu, bực tức, hoặc dùng cách nói như “Tôi vừa giảng cho các em rồi đấy nhé. Vậy mà cũng chưa hiểu à!?”, hoặc “Hỏi vậy mà cũng hỏi”, hoặc “Câu hỏi này thông minh, câu hỏi này dở”... thì GV đang làm cho đầu HS trở nên cố định hơn. Nếp nghĩ phát triển mời gọi GV “Hãy để trò được lớn lên bằng những câu hỏi” dù đó có thể là câu hỏi rất cơ bản; đón nhận từng câu hỏi của trò. “Cảm ơn em đã đặt câu hỏi”, “Hãy tiếp tục hỏi vì đây là cách để em được lớn lên đấy”,...

Nếu HS hay hỏi linh tinh thì hãy dành chút thời gian (có thể là ngoài giờ) giúp em biết đặt câu hỏi đúng lúc.

Tình huống 3: HS đạt được kết quả tốt, làm được bài kiểm tra, hoàn thành tốt dự án,... GV cần làm gì, ứng xử ra sao?

Theo kiểu nếp nghĩ phát triển, thay vì khen giỏi như:

+ Em làm tốt lắm! Hẳn là em giỏi, thông minh, có năng lực.

+Ồ, em giỏi tiếng Anh/Toán/Tiếng Việt/... đấy. Em được điểm A bài kiểm tra vừa qua.

+ Em là một học sinh giỏi!

...

GV khen ngợi quá trình, ví dụ:

+ Em làm tốt lắm! Chắc là em đã làm việc thật chăm chỉ.

+ Em thực sự đã gắng học cho bài kiểm tra Tiếng Anh/Toán/Tiếng Việt và sự tiến bộ của em cho thấy thế.

+ Thầy (cô) rất thích khi thấy em đã thử nhiều cách về bài toán đó cho đến khi em làm được nó.

+ Thầy (cô) thích cách em cố gắng ở lại, giữ tập trung, và tiếp tục làm việc. Thật tuyệt!

...

– Giáo dục nếp nghĩ phát triển:

+ GV có thể tổ chức một số hoạt động để giúp HS khám phá về não, về sự mềm dẻo và linh động của não. Em cần làm gì để giúp não khỏe (ăn, ngủ, tập thể dục,...)? Có thể làm gì để não phát triển (cố gắng, tìm các phương pháp khác nhau, thách thức chính mình bằng những bài tập khó hơn,...)?

+ Giúp HS khám phá các nghiên cứu (đọc sách, xem video clip,...) để nhận ra em có thể giỏi hơn nếu em biết nỗ lực và nỗ lực một cách kiên trì, có phương pháp...

+ Cho HS tìm hiểu các tấm gương kiên trì vượt khó để thành công.

+ Đưa ra các quy tắc vàng “nếp nghĩ phát triển” cho lớp và cả GV như: Bạn có thể học... (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh,...) đến mức cao nhất; Sai sót thì quý giá trong học tập; Đặt câu hỏi rất quan trọng; Hiểu sâu thì quan trọng hơn tốc độ nhanh,...

+ Chú ý GV cũng như HS cần tránh những lối nghĩ như: nếp nghĩ cố định là xấu; cần “nghiêm trị” nếp nghĩ cố định. Bởi vì, ai cũng có nếp nghĩ cố định trộn với nếp nghĩ phát triển. Cần đón nhận và rèn luyện để lớn lên từng ngày. Và kiến tạo nếp nghĩ phát triển là quá trình không ngưng nghỉ.

3. Cố định – Trộn lẫn – Phát triển và các tiêu chí cho nếp nghĩ phát triển

Trong thực tế, có 3 nhóm: nếp nghĩ cố định, nếp nghĩ phát triển và nếp nghĩ “trộn lẫn”. Nhóm “trộn lẫn” (có những nét của cố định và có những nét khác của phát triển) thường là nhóm đông.

Để kiến tạo nếp nghĩ phát triển không chỉ cần nỗ lực mà cần những tiêu chí khác nhau:

- Đối diện thử thách;
- Học hỏi từ sai sót;
- Đón nhận phản hồi và phê bình;
- Thực hành và vận dụng các chiến lược;
- Kiên trì, nỗ lực;
- Đặt câu hỏi;
- Chấp nhận rủi ro;...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Duckworth, A. L. (2019), *Grit: Vững tâm bền chí ắt thành công* (Nguyễn Thị Thục An dịch), NXB Lao động - Xã hội.

Dweck, C. (2018), *Tâm lí học thành công* (Hồ Hạnh Hảo dịch), NXB Lao động Xã hội.

Gardner, H. (2016), *Cơ cấu trí khôn – Lí thuyết về nhiều dạng trí khôn* (Phạm Toàn dịch), NXB Tri Thức, Hà Nội.

Glasser, W. (2010), *Choice Theory: A New Psychology of Personal Freedom*, Revised edition, New York: HarperCollins e-books.

Kolb. D. (2014), *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development 2nd Ed*, Pearson FT Press.

Maguire, E., Woollett, K., & Spiers, H. (2006), *London taxi drivers and bus drivers: A structural MRI and neuropsychological analysis*, *Hippocampus*, 16(12), 1091–1101.

MỤC LỤC

Trang

Phần một: HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Giới thiệu sách Hoạt động trải nghiệm 1	3
1.1. Quan điểm biên soạn sách Hoạt động trải nghiệm ở cấp Tiểu học nói chung và sách Hoạt động trải nghiệm lớp 1 nói riêng	3
1.2. Những điểm mới của sách Hoạt động trải nghiệm	6
2. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học	6
2.1. Cấu trúc sách	6
2.2. Cấu trúc chủ đề và bài học	9
3. Phương pháp tổ chức hoạt động	17
3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm	17
3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm	19
4. Kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm	21
4.1. Kiểm tra và đánh giá năng lực, phẩm chất	21
4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp tổ chức kiểm tra, đánh giá trong hoạt động trải nghiệm lớp 1	22
5. Hướng dẫn khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử của NXBGDVN	24
5.1. Giới thiệu về hệ thống tập huấn qua mạng - taphuan.nxbgd.vn.....	24
5.2. Hệ thống sách điện tử - hanhtrangso.nxbgd.vn	26
6. Khai thác thiết bị dạy học trong tổ chức hoạt động trải nghiệm.....	27
7. Một số lưu ý lập kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm theo Thông tư 3866/BGDĐT-GDTH.....	28

Phần hai: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG

1. Hướng dẫn tổ chức một bài học trong chủ đề	30
2. Hướng dẫn tổ chức sinh hoạt lớp	32
2.1. Sinh hoạt khởi động	32
2.2. Tổ chức sinh hoạt lớp	33

2.3. Các sinh hoạt khác.....	35
3. Hướng dẫn tổ chức sinh hoạt dưới cờ	36
3.1. Một số đề nghị	36
3.2. Nội dung và hình thức tổ chức buổi sinh hoạt dưới cờ.....	37
4. Hướng dẫn tổ chức sinh hoạt dã ngoại	40

Phần ba: CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên Hoạt động trải nghiệm	43
1.1. Kết cấu sách giáo viên	43
1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả	44
2. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo	44
2.1. Cấu trúc sách bổ trợ	44
2.2. Phân tích, hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ	45
3. Hướng dẫn tích hợp giáo dục địa phương vào hoạt động trải nghiệm	45
3.1. Một vài hoạt động giáo dục địa phương đặc trưng cho lớp 1	45
3.2. Tích hợp hoạt động giáo dục địa phương vào hoạt động trải nghiệm.....	46

PHỤ LỤC: Một số vấn đề về <i>Nếp nghĩ phát triển</i>	47
---	----

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập PHẠM QUỲNH
Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định
TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: HÀ THỊ THANH NGÀ

Thiết kế sách: BÙI THỊ NGỌC LAN

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: TRẦN LÊ NHẤT TÚ

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

– Sách điện tử: nxbgd.vn/sachdientu

– Tập huấn online: nxbgd.vn/taphuan

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TÀI LIỆU TẬP HUẤN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1.

BỘ SÁCH: CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Mã số: ...

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: .../CXBIPH/...GD.

Số QĐXB: .../QĐ- GD – HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: